

Số: /BCTH-CTK

Đồng Tháp, ngày tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình Kinh tế - Xã hội tháng 02 năm 2022

A. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 02-2022

1. Tài chính – tín dụng

Các chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính - tín dụng hỗ trợ các doanh nghiệp bị tác động bởi dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tới thu ngân sách của Tỉnh (tính đến 31/01/2022), so với cùng kỳ năm trước một số khoản thu ngân sách trên địa bàn của Tỉnh giảm nhiều, trong đó trong đó Thu từ Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh giảm 23,74%, Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài giảm 23,04%, Thu xổ số kiến thiết giảm 40,71%. Tuy nhiên một số nguồn thu vẫn tăng như: Thu từ doanh nghiệp nhà nước 19,89%; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng 244,78% ...

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tháng 01-2022 (tính đến 31-01-2022) ước tính đạt 762.033 triệu đồng; so với dự toán cả năm đạt 11,18%, so với cùng kỳ bằng 83,55%; Thu nội địa ước đạt 733.813 triệu đồng, đạt 10,94% dự toán năm, so với cùng kỳ bằng 81,19%; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 28.220 triệu đồng, đạt 25,65% dự toán và bằng 344,78% cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương tháng 01-2022 đạt 1.216.985 triệu đồng, đạt 8,69% dự toán năm, bằng 160,46% cùng kỳ năm trước. Trong tổng chi tháng 01-2022, chi đầu tư phát triển đạt 25.845 triệu đồng, đạt 0,77% dự toán năm, bằng 59,28% cùng kỳ năm trước; Chi thường xuyên 987.156 triệu đồng, đạt 10,80% dự toán năm, bằng 145,26% cùng kỳ năm trước.

Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đến cuối tháng 01-2022 ước đạt 54.889 tỷ đồng, tăng 0,22% so với thời điểm 31/12/2021. Tổng dư nợ tín dụng đạt 81.532 tỷ đồng, tăng 1,54% so với thời điểm 31/12/2021; trong đó dư nợ ngắn hạn đạt 59.279 tỷ đồng, tăng 1,76% so với cuối năm 2021, dư nợ trung và dài hạn ước đạt 22.253 tỷ đồng, tăng 0,94% so với cuối năm 2021. Phần lớn dư nợ cho vay nằm ở các lĩnh vực: Nông nghiệp, nông thôn (54.195 tỷ đồng), Cho vay xuất khẩu (2.280 tỷ đồng), cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ (10.045 tỷ đồng). Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng là 0,59%, tăng 0,01% so với cuối năm 2021.

2. Sản xuất Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp của Tỉnh trong tháng 02/2022 chủ yếu tập trung thu hoạch dứt điểm cây trồng vụ Đông xuân 2021 - 2022 và xuống giống vụ Hè thu 2022. Sau thời gian giảm giá sâu hiện nay giá các tra nguyên liệu ở Đồng bằng sông Cửu Long đang tăng mạnh. Việc giá cá tra tăng và duy trì ở mức có lợi cho người nuôi đang thúc đẩy bà con nông dân thả nuôi trở lại.

2.1. Ngành Nông nghiệp

- Trồng trọt:

Vụ Đông Xuân năm 2021-2022: Đến ngày 15 tháng 02 năm 2022, toàn Tỉnh đã xuống giống được 188.319 ha, bằng 97,71% so với cùng kỳ vụ Đông xuân 2020-2021, so với kế hoạch đạt 91,1% (kế hoạch xuống giống 190.000 ha). Nhìn chung các trà lúa đều phát triển tốt, hầu hết đang ở giai đoạn đẻ nhánh, làm đồng, trổ chín và thu hoạch. Đến nay đã thu hoạch 61.113 ha, bằng 113,23% so với cùng kỳ; năng suất trên diện tích đã thu hoạch ước đạt bình quân 69,4 tạ/ha. Hiện có 6/12 huyện, thành phố có diện tích thu hoạch, nhiều nhất là huyện Tháp Mười đạt gần 95,38% diện tích xuống giống.

Hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày khác vụ Đông xuân 2021-2022 đã xuống giống với diện tích 9.766 ha, tăng 3.125 ha so với cùng kỳ năm trước. Các loại hoa màu xuống giống gồm: Bắp 916 ha; Khoai lang 136 ha; Đậu các loại 60 ha; Rau dứa các loại 4.460 ha. Đến nay hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày khác vụ Đông xuân 2021-2022 đã thu hoạch được 2.132 ha.

Vụ Hè thu năm 2022: Đến ngày 15/02, toàn Tỉnh xuống giống 34.462 ha lúa vụ Hè thu, đạt 18,5% so với kế hoạch xuống giống (kế hoạch 186.000 ha). Trên diện tích xuống giống lúa đang giai đoạn mạ

Về tình hình dịch bệnh trên cây lúa:

+ Rầy nâu: diện tích nhiễm 413 ha, giai đoạn đẻ nhánh – trổ chín, với mật số rầy 750-1500 con/m², diện tích nhiễm trung bình 10 ha, còn lại nhiễm nhẹ.

+ Bệnh đạo ôn lá: Diện tích nhiễm 1.160 ha, giai đoạn đẻ nhánh, trổ chín với tỷ lệ bệnh 5-10%.

+ Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 505 ha trên lúa giai đoạn đẻ nhánh, trổ chín, với mật số sâu 25-50 con/m², nhiễm trung bình 05 ha, còn lại nhiễm nhẹ.

+ Bệnh cháy bìa lá : Diện tích nhiễm 512 ha, trong đó nhiễm trung bình 30 ha, nhiễm nhẹ trên lúa giai đoạn làm đồng – trổ chín với tỷ lệ bệnh 20-40%.

Ngoài ra các đối tượng khác như: Chuột, bọ trĩ, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh lem lép hạt xuất hiện rải rác hoặc gây hại ở mức nhẹ.

Tình hình sâu bệnh trên cây hoa màu, cây ăn trái, hoa kiểng:

+ Trên hoa màu: bệnh bọ trĩ, sâu xanh trên bầu bí xuất hiện gây hại nhẹ, đối tượng sâu keo mùa thu hại bắp chưa phát hiện diện tích nhiễm mới.

+ Trên cây ăn trái: Cây có múi: Sâu đục thân, Nhện, bệnh loét, bệnh vàng lá thối rễ xuất hiện gây hại nhẹ. Xoài: bọ trĩ, bệnh thán thư xuất hiện gây hại nhẹ.

+ Trên hoa kiểng: bọ trĩ, nhện đỏ trên hoa hồng xuất hiện rải rác.

- Về chăn nuôi:

Hiện tại trên địa bàn Tỉnh có phát sinh bệnh trên vật nuôi nhưng chỉ gây hại cục bộ trên các đối tượng nuôi và không lây lan thành dịch. Tuy nhiên; các ngành chức năng của tỉnh vẫn chủ động thực hiện các biện pháp ngăn chặn dịch phát sinh trên đàn gia súc, gia cầm. Các biện pháp đã được thực hiện bao gồm: tiêu độc khử trùng môi trường; Hướng dẫn người nuôi làm vệ sinh chuồng trại; Kiểm soát chặt chẽ công tác giết mổ, buôn bán vận chuyển gia súc, gia cầm. Tuy vậy trong tháng trên địa bàn Tỉnh vẫn ghi nhận 06 ổ dịch tả heo Châu Phi xảy ra trên địa bàn các huyện Tam Nông, Cao Lãnh, Tháp Mười, Hồng Ngự và thành phố Hồng Ngự với tổng số con phải tiêu hủy là 171 con. Lũy kế từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh ghi nhận 15 ổ dịch tả heo Châu Phi với tổng số con tiêu hủy là 413 con. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản phối hợp cùng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện và UBND địa phương tiến hành tiêu hủy theo quy định. Trong tháng không xuất hiện bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò. Một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác như: bệnh cúm gia cầm, bệnh lở mồm long móng, tai xanh được giám sát chặt chẽ.

Về công tác tiêm phòng trên gia cầm năm 2022; Tiêm phòng cúm đợt I/2022 (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 17/02/2022) tiêm phòng được 60.547 con gà mũi 1 đạt tỷ lệ 11,56% tổng đàn, 790.257 con vịt mũi 1 đạt 26,28 % tổng đàn, 13.162 con gà mũi 2 đạt 15,71 % tổng đàn, 96.122 con vịt mũi 2 đạt tỷ lệ 15,13% tổng đàn.

2.2. Ngành Lâm nghiệp

Đề chủ động trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, gây cháy rừng; đặc biệt vào các ngày nghỉ, ngày lễ, Tết Nguyên đán Nhâm dần. Ngay từ đầu tháng 02 năm 2022 các ngành chức năng triển khai phân công trực 24/24 tại Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng cơ sở, tổ (đội), trạm chốt, đài quan sát; kể cả các ngày nghỉ, ngày lễ, Tết để phát hiện cháy sớm; triển khai lực lượng, thiết bị chữa cháy dập tắt kịp thời theo phương châm bốn tại chỗ không để cháy lan trên diện rộng; Nâng cao tinh thần cảnh giác trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa

cháy rừng; chủ động phối hợp với lực lượng Kiểm lâm - Công an – Quân sự tại địa phương tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, tập trung vào các vùng trọng điểm có nguy cơ cháy cao để ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm nhập vào rừng trái phép bẫy bắt động vật rừng, sử dụng lửa bắt ong gây cháy rừng, phá rừng, lấn chiếm đất rừng, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền trong cộng đồng dân cư ven rừng để nâng cao ý thức bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, nhằm hạn chế thấp nhất tình trạng xâm nhập trái phép vào rừng, nhất là trong các tháng cao điểm mùa khô.

2.3. Ngành Thủy sản

Nuôi trồng thủy sản có dấu hiệu hồi phục trở lại từ cuối năm 2021 đến nay sau thời gian dài gặp nhiều khó khăn do giá cá tra nguyên liệu duy trì ở mức thấp và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Ước tính tổng sản lượng thủy sản thu hoạch trong tháng 02/2022 của Tỉnh đạt 41.116 tấn, tăng 5,05% hay tăng 1.978 tấn so với cùng kỳ năm trước; trong đó, cá tra đạt 36.268 tấn, tăng 5,08% so với cùng kỳ năm 2021. Diện tích nuôi cá tra của Tỉnh chủ yếu tập trung nhiều ở các địa phương như: huyện Tam Nông, huyện Cao Lãnh, huyện Thanh Bình, huyện Châu Thành.

Theo dự báo của ngành chức năng thị trường xuất khẩu cá tra sẽ gặp nhiều thuận lợi trong thời gian tới, vì vậy giá cá tra nguyên liệu sẽ còn tiếp tục tăng so với thời điểm hiện nay, điều này sẽ thúc đẩy người dân tăng cường thả nuôi trong thời gian tới. Diện tích thả nuôi mới cá tra trong tháng 02-2022 là 84 ha, cộng dồn đến cuối tháng, diện tích đang nuôi ước đạt 1.204 ha, tăng 0,67% so với cùng kỳ; diện tích thu hoạch trong tháng 02-2022 là 166 ha, tăng 4,40% so với cùng kỳ.

3. Sản xuất Công nghiệp và Phát triển doanh nghiệp

3.1. Sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong các đầu năm 2022 đang dần lấy lại tốc độ tăng trưởng sau thời gian dịch bệnh và kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, hầu hết sản lượng các sản phẩm chủ yếu đều tăng trưởng mạnh so với tháng cùng kỳ năm trước; Chỉ số IIP cộng dồn hai tháng đầu năm 2022 tăng 8,55% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 02 năm 2022 so với tháng trước giảm 0,30%, so với cùng kỳ năm trước tăng 6,96%. Trong đó, ngành Khai khoáng giảm 46,07% so với tháng trước và giảm 20,68% so với cùng kỳ; ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,27% so với tháng trước và tăng 6,98% so với cùng kỳ; Sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước giảm 4,13% so với tháng trước và giảm 3,52% so với cùng kỳ; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 0,78% so với tháng trước và tăng

41,56% so với cùng kỳ.

Do thời gian nghỉ tết Nguyên đán chủ yếu rơi vào tháng 02-2022 nên so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước, hầu hết sản phẩm công nghiệp chủ lực đều có biến động mạnh: Cát khai thác giảm 46,34% so với tháng trước và giảm 21,56% so với cùng kỳ; Dược phẩm chứa hocmôn nhưng không có kháng sinh dạng viên giảm 44,67% so với tháng trước và giảm 5,89% so với cùng kỳ; Bê tông tươi giảm 9,44% so với tháng trước nhưng tăng 12,94% so với cùng kỳ; Áo quần các loại giảm 13,88% so với tháng trước nhưng tăng 36,42% so với cùng kỳ; Thuốc chứa pênixilin hoặc kháng sinh khác dạng viên giảm 11,68% so với tháng trước nhưng tăng 36,42% so với cùng kỳ; Thức ăn thủy sản giảm 0,82% so với tháng trước và giảm 13,98% so với cùng kỳ. Các sản phẩm sau đều tăng trưởng so với tháng trước và cùng kỳ năm trước: Cá phi lê đông lạnh tăng 3,65% so với tháng trước và tăng 7,01% so với cùng kỳ; Gạo xay xát, lau bóng tăng 2,41% so với tháng trước và tăng 9,77% so với cùng kỳ; Thuốc lá có đầu lọc tăng 2,55% so với tháng trước và tăng 80,18% so với cùng kỳ; Bia tăng 3,02% so với tháng trước và tăng 27,14% so với cùng kỳ; Miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự tăng 1,39% so với tháng trước và tăng 37,37% so với cùng kỳ.

Chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến chế tạo trong tháng 2 giảm 0,61% so với tháng trước và giảm 5,87% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể một số ngành cấp 2 như sau: Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 0,64% so với tháng trước và giảm 5,92% so với cùng kỳ năm trước; Sản xuất trang phục giảm 14,0% so với tháng trước nhưng tăng 3,05% so với cùng kỳ năm trước; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 14,05% so với tháng trước nhưng tăng 41,59% so với cùng kỳ năm trước; In, sao chép bản ghi các loại giảm 9,34% so với tháng trước nhưng tăng 14,94% so với cùng kỳ năm trước; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 9,28% so với tháng trước nhưng tăng 12,27% so với cùng kỳ năm trước; Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 16,52% so với tháng trước nhưng tăng 15,32% so với cùng kỳ năm trước. Các ngành còn lại có chỉ số tăng nhẹ so với tháng trước. Chỉ số hàng tồn kho ngành công nghiệp chế biến trong tháng 2 tăng 5,05% so với tháng trước và tăng 6,29% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sử dụng lao động các ngành công nghiệp tháng 02-2022 so với tháng trước tăng 0,68%, so cùng kỳ tăng 1,36% chủ yếu do chỉ số lao động ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 0,71%, Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 0,40% so với tháng trước và tăng 2,57% so với cùng kỳ. Hai ngành Khai khoáng và Sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải có chỉ số lao động trong tháng giảm nhẹ so với tháng trước và cùng kỳ năm trước

lần lượt là 2,19% và 1,62%.

3.2. Phát triển Doanh nghiệp

Trong tháng 01-2022, tỉnh Đồng Tháp có 55 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 608.270 triệu đồng. Trong đó có, 53 công ty TNHH với tổng vốn đăng ký 549.270 triệu đồng, 02 CTCP với tổng vốn đăng ký 59.000 triệu đồng. So với cùng kỳ năm 2021, số doanh nghiệp tăng 8 doanh nghiệp, tổng số vốn đăng ký tăng 268.540 triệu đồng, số lao động tăng 989 người.

Phân theo khu vực kinh tế: Trong số 55 doanh nghiệp thành lập mới, 16 doanh nghiệp thuộc ngành Công nghiệp – xây dựng với tổng số vốn 209.900 triệu đồng, 39 doanh nghiệp thuộc ngành Dịch vụ với tổng số vốn 398.370 triệu đồng.

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong tháng 01-2022 là 131 doanh nghiệp, tăng 23 doanh nghiệp; số doanh nghiệp quay lại hoạt động là 103 doanh nghiệp, tăng 22 doanh nghiệp; và số doanh nghiệp giải thể là 5 doanh nghiệp, giảm 09 doanh nghiệp so với năm 2021.

Trong năm 2021, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp khiến các doanh nghiệp, cơ sở tiểu thủ công nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ. Nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô hoặc hoạt động cầm chừng, thậm chí giải thể. Tuy nhiên nhờ sự sâu sát, kịp thời của chính quyền, lãnh đạo các cấp cùng sự nỗ lực của các doanh nghiệp hoạt động sản xuất công nghiệp, dịch vụ của tỉnh dần hồi phục và duy trì được đà phát triển dù còn ở mức thấp.

Hiện nay dịch Covid-19 với biến thể mới (biến thể omicron) vẫn còn diễn biến phức tạp tại nhiều nước trên thế giới, làm ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất công nghiệp, đặc biệt là ngành chế biến, chế tạo. Do đó, mục tiêu trong năm 2022 của ngành Công nghiệp là tập trung phục hồi - phát triển sản xuất kinh doanh sau thiên tai, dịch bệnh đi đôi với tái cơ cấu lại ngành công nghiệp, nâng cao chất lượng tăng trưởng. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thuận lợi; hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, làm động lực phát triển bền vững

4. Thực hiện vốn đầu tư phát triển

Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tỉnh đã tăng mạnh trong các tháng đầu năm 2022. Vốn thực hiện tăng mạnh trong các tháng đầu năm 2022 là do các đơn vị thi công đẩy nhanh việc thực hiện các công trình đã được phê duyệt đầu tư trong giai đoạn dịch bệnh trước đây. Tuy nhiên nếu tính riêng tháng 02-2022 thì đầu tư thực hiện giảm so với tháng trước và không tăng so

với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân là do thời gian nghỉ Tết Nguyên đán 2022 phân lớn rơi vào tháng 02-2022.

4.1. Vốn đầu tư phát triển do trung ương và địa phương quản lý

Vốn đầu tư phát triển do trung ương và địa phương quản lý trên địa bàn Tỉnh trong tháng 2-2022 ước đạt 252.578 triệu đồng, so với tháng trước giảm 20,5%, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,70%. Trong đó, vốn do Trung ương quản lý ước đạt 42.358 triệu đồng, giảm 31,04% so với tháng trước nhưng tăng 194,77% so với cùng kỳ; vốn do Địa phương quản lý ước đạt 210.220 triệu đồng, giảm 17,98% so với tháng trước và giảm 11,09% so với cùng kỳ năm trước. Phân theo nguồn vốn, nguồn vốn ngân sách nhà nước chiếm 195.498 triệu đồng, giảm 20,94% so với tháng trước và giảm 8,46% so với cùng kỳ; vốn vay chiếm 32.980 triệu đồng, giảm 19,89% so với tháng trước nhưng tăng 98,46% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư phát triển thực hiện được 570.298 triệu đồng, tăng 16,46% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn do các đơn vị trung ương quản lý ước đạt 103.778 triệu đồng, tăng 271,33% so với cùng kỳ năm trước; vốn do các đơn vị địa phương quản lý ước đạt 466.520 triệu đồng, tăng 1,04% so với cùng kỳ năm trước.

4.2. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý trong tháng 02-2022 ước đạt 210.220 triệu đồng, giảm 17,98% so với tháng trước nhưng tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước. Chia ra, Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 150.220 triệu đồng, giảm 19,32% so với tháng trước nhưng tăng 29,58% so với cùng kỳ; Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 60.000 triệu đồng, giảm 14,41% so với tháng trước và giảm 34,17% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 02 tháng đầu năm 2022, Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 466.520 triệu đồng, tăng 14,91% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó vốn ngân sách nhà nước do cấp tỉnh quản lý thực hiện được 336.420 triệu đồng, tăng 50,43% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước do cấp huyện quản lý thực hiện được 130.100 triệu đồng, giảm 28,61% so với cùng kỳ năm trước.

4.3. Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

Dự án Đường Sở Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hòa lũy kế từ đầu dự án đến cuối tháng báo cáo ước thực hiện đạt 250.004 triệu đồng, so với tổng mức kế hoạch đạt 52,37%.

Dự án Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch và nông nghiệp, tổng giá trị thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng báo cáo ước thực hiện đạt 765.238 triệu đồng đạt 63,34% kế hoạch vốn.

Dự án nâng cấp đường ĐT 841 và xây mới Cầu Sủ Thượng 2 với tổng mức vốn đầu tư công trình là 328.157 triệu đồng, ước tính từ khi khởi công đến cuối tháng ước thực hiện đạt 151.408 triệu đồng, đạt 46,14% kế hoạch vốn.

Dự án xây dựng và sửa chữa Trường học, tổng mức vốn kế hoạch là 53.600 triệu đồng, tính từ khi khởi công đến cuối tháng ước thực hiện đạt 5.462 triệu đồng, đạt 10,20% kế hoạch vốn.

Dự án Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp tổng mức vốn kế hoạch là 1.724.105 triệu đồng, tính từ khi khởi công đến nay, giá trị thực hiện ước đạt 1.055.698 triệu đồng, đạt 61,23% so với tổng mức vốn kế hoạch.

Dự án Đường ĐT 849 giai đoạn 2 với tổng mức đầu tư là 202.579 triệu đồng, ước thực hiện từ khi khởi công đến cuối tháng báo cáo 148.740 triệu đồng, đạt 73,30% tổng mức vốn kế hoạch.

Dự án đường Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh – Hồng Ngự giai đoạn 2 với tổng mức vốn đầu tư 800.000 triệu đồng đã được khánh thành vào ngày 19-02-2022. Công trình nâng cấp Quốc lộ 30, đoạn Cao Lãnh – Hồng Ngự hoàn thành có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng, nối liền giao thông với Cửa khẩu Thường Phước, Cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà và kết nối với tỉnh Prây-veng (Vương quốc Campuchia). Việc hoàn thành công trình nâng cấp Quốc lộ 30, đoạn Cao Lãnh – Hồng Ngự đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng sẽ là tiền đề cho nhiều công trình giao thông lớn được kỳ vọng hoàn thành và khởi công tiếp theo ngay trong năm 2022, tạo động lực để tỉnh thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và các năm tiếp theo.

5. Thương mại - Dịch vụ

Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm nay diễn ra khi tình hình dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát. Nhu cầu mua sắm Tết tăng nhưng không cao, các chợ, siêu thị trên địa bàn Tỉnh vẫn đáp ứng được nhu cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu. Đặc biệt, tuy dịch bệnh đã được kiểm soát nhưng các đơn vị và người dân vẫn triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

5.1. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng

Trước tết nguyên đán Nhâm Dần 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát, Đồng Tháp đã thực hiện “Thích ứng an toàn, linh hoạt vừa sản xuất kinh tế vừa kiểm soát dịch bệnh”. Các hoạt động sản xuất, dự trữ hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán diễn ra nhộn nhịp, nguồn cung hàng hóa ổn định,

phong phú, không có hiện tượng khan hiếm hàng, nhu cầu mua sắm Tết của người dân đều được đáp ứng đầy đủ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 02-2022 ước tính 9.466 tỷ đồng, bằng 98,97% so với tháng trước và tăng 4,35% so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tăng là nhu cầu mua sắm các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu tăng lên vào dịp tết.

Doanh thu thương mại tháng 02-2022 ước tính đạt 7.536 tỷ đồng, bằng 97,10% so với tháng trước và tăng 7,99% so với cùng kỳ năm 2021. Theo qui luật hàng năm các nhóm hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ vào ngày Tết đều tăng cao, so với cùng kỳ năm trước các nhóm hàng tăng cụ thể như: Nhóm hàng lương thực thực phẩm tăng 10,59 %; Nhóm hàng may mặc tăng 15,50%; Nhóm hàng đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 24,96%.

Hoạt động khách sạn nhà hàng tháng 02 năm 2022 có mức tăng 6,61 % so với tháng trước và bằng 95,64 % so với cùng kỳ năm 2021; Các cơ sở kinh doanh nhà hàng, quán ăn các cơ sở dịch vụ lưu trú, ăn uống tiếp tục quá trình hồi phục sau dịch bệnh, doanh thu ước đạt 1.376 tỷ đồng, tăng 6,61% so với tháng trước và bằng 95,64%.

Hoạt động du lịch lữ hành tháng 02-2022 ước tính doanh thu đạt 756 triệu đồng, tăng 69,89% so với tháng trước và bằng 53,50% so với cùng kỳ năm 2021. Trước tình hình dịch Covid-19 đã được kiểm soát tốt, với các nỗ lực phục hồi ngành du lịch của tỉnh được triển khai trong thời gian qua, nên lượng du khách đến tham quan tại các khu, điểm du lịch tại Đồng Tháp đã tăng lên so với các tháng trước. Nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu khách du lịch một số điểm du lịch chuyển hướng sang xây dựng các Combo dịch vụ trọn gói dành cho khách nhóm nhỏ, hộ gia đình. Đồng thời thực hiện những chính sách kích cầu du lịch nội địa như giảm giá vé tham quan, miễn vé tham quan cho trẻ em và người lớn tuổi, không thu vé vào tham quan chụp ảnh....

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 02-2022 ước đạt 554 tỷ đồng tăng 7,93 % so với tháng trước và bằng 84,77% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2022 tổng mức bán lẻ hàng và dịch vụ ước đạt 18.959 tỷ đồng tăng 3,61% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó ngành thương mại ước tính đạt 15.225 tỷ đồng tăng 6,36%; Khách sạn, nhà hàng ước tính đạt 2.666 tỷ đồng, bằng 97,44%; Du lịch, lữ hành ước tính đạt 1,2 tỷ đồng bằng 43,15% và dịch vụ ước đạt 1.067 tỷ đồng bằng 85,69% so với cùng kỳ năm 2021.

Nhìn chung, trong dịp Tết Nguyên đán năm 2022 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 tác động đến tình hình kinh tế - xã hội nên người tiêu dùng có xu hướng giảm chi tiêu, ngoài ra người tiêu dùng cũng có nhiều thay đổi trong việc mua hàng. Việc mua bán trực tuyến đã được nhiều người tiêu dùng lựa chọn nhằm hạn chế đến những nơi tập trung đông người.

5.2. Vận tải hành khách và hàng hóa

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu đi lại của người dân trong dịp Tết Nguyên đán không cao như các năm trước. Lượng khách sử dụng các phương tiện vận tải công cộng giảm so với mọi năm vì vậy không còn tình trạng quá tải tại các bến xe. Ngoài ra, do giá xăng dầu tăng liên tục từ đầu năm đến nay cũng làm giá dịch vụ vận tải tăng, ảnh hưởng đáng kể đến sản lượng của ngành vận tải.

Ước tính khối lượng hành khách vận chuyển tháng 02-2022 đạt 808 ngàn người, tăng 0,87% so với tháng trước và bằng 16,60% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2022 số hành khách vận chuyển đạt 1.608 ngàn người, bằng 17,38% so với cùng kỳ năm 2021.

Khối lượng hành khách luân chuyển tháng 02-2022 ước tính đạt 23.911 ngàn hành khách, tăng 0,42% so với tháng trước và bằng 20,88% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng luân chuyển hành khách 02 tháng đầu năm 2022 ước đạt 47.723 ngàn hành khách, bằng 21,36% so với cùng kỳ năm 2021.

Ước tính khối lượng hàng hóa vận chuyển trong tháng 02-2022 đạt 785 ngàn tấn, tăng 0,38% so với tháng trước và tăng 18,16% so với cùng kỳ năm 2021. Ước tính 02 tháng đầu năm 2022 khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 1.567 ngàn tấn, tăng 20,80% so với cùng kỳ năm 2021.

Khối lượng luân chuyển hàng hóa tháng 02-2022 ước tính đạt 70.351 ngàn tấn, tăng 0,44% so với tháng trước và tăng 0,46% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính khối lượng luân chuyển hàng hóa 02 tháng đầu năm 2022 đạt 140.392 ngàn tấn, tăng 3,44% so với cùng kỳ năm 2021.

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 02-2022 ước tính đạt 150.329 triệu đồng tăng 0,43% so với tháng trước và bằng 65,01% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó, Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 33.765 triệu đồng tăng 0,46% so với tháng trước và bằng 25,74% so với cùng kỳ năm 2021; Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 102.809 triệu đồng tăng 0,44% so với tháng trước và tăng 22,17% so với cùng kỳ; Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 13.755 triệu đồng tăng 0,34% so với tháng trước và bằng 86,88% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 02 tháng đầu năm tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 300.167 triệu đồng, bằng 66,24% so với cùng kỳ năm 2021 Trong đó, Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 67.377 triệu đồng, bằng 26,28% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 205.166 triệu đồng, tăng 24,36% so với cùng kỳ năm 2021; Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận

tải ước đạt 27.624 triệu đồng và bằng 86,88% so với cùng kỳ năm 2021.

Nhìn chung, ngành vận tải của Tỉnh trong tháng đã đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân trong dịp Tết.

5.3. Khách lưu trú

Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Tỉnh cơ bản được kiểm soát, bên cạnh đó thời tiết thuận lợi, chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch được nâng lên trong thời gian qua nên lượng khách đến tham quan, du lịch Đồng Tháp trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần tăng lên.

Lượt khách lưu trú trong tháng 02-2022 ước đạt 98,5 ngàn lượt khách, tăng 17,83% so với tháng trước và bằng 71,39% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2022 đạt 164 ngàn lượt khách, bằng 61,14% so với cùng kỳ năm trước. Trong số 164 ngàn lượt khách lưu trú thì có 83,4 ngàn lượt khách ngủ qua đêm, chiếm 50,82% lưu trú.

Ngày khách phục vụ trong tháng 02-2022 ước đạt 48.350 ngày khách, tăng 17,42% so với tháng trước và bằng 70,62 % so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm ước đạt 80.660 ngày khách, bằng 60,58% so với cùng kỳ năm 2021.

Lượt khách du lịch theo tour trong tháng 02-2022 ước đạt 432 lượt khách, tăng 28,50% so với tháng trước và bằng 72,85% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2022 ước đạt 689 lượt khách và bằng 58,99% so với cùng kỳ năm 2021.

Ngày khách du lịch theo tour tháng 02-2022 ước đạt 972 ngày khách, tăng 26,81% so với tháng trước và bằng 60,60% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính 02 tháng đầu năm 2022 đạt 1.550 ngày khách và bằng 49,06% so với cùng kỳ năm 2021.

6. Hoạt động xuất - nhập khẩu

Tuy trong tháng 02-2022 có thời gian nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần nhưng hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Tỉnh vẫn diễn ra sôi động, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu có tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Dự báo năm 2022 hoạt động xuất khẩu có nhiều thuận lợi hơn năm 2021 do dịch Covid-19 đã được kiểm soát, bên cạnh đó là triển vọng tích cực của các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký trước đây với nhiều ưu đãi về thuế quan và các điều kiện tiếp cận thị trường.

6.1. Xuất khẩu: Ước tính tháng 02-2022, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 127.395 ngàn USD, tăng 0,65% so với tháng trước và tăng 16,13% so với tháng cùng kỳ năm trước. So với tháng trước các thành phần kinh tế đều có giá trị xuất khẩu tăng: Kinh tế nhà nước tăng 0,21%; Kinh tế tư nhân tăng 0,78%;

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,48%. So với cùng kỳ năm trước, Kinh tế nhà nước có kim ngạch xuất khẩu tăng cao nhất tăng 121,30% (hay tăng 19.930 nghìn USD); Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giảm 39,50%; Kinh tế tư nhân tăng 19,26%. Nếu xem xét theo nhóm hàng, ước tính tất cả các nhóm hàng đều có giá trị xuất khẩu tăng nhẹ so với tháng trước. Trong đó: Nhóm hàng thủy sản có giá trị xuất khẩu tăng 0,82% về giá trị và tăng 0,87% sản lượng; mặt hàng gạo có giá trị xuất khẩu tăng 0,48% về giá trị và tăng 0,51% về sản lượng.

Nếu không tính hàng tạm nhập tái xuất thì kim ngạch xuất khẩu tháng 02-2022 ước đạt 107.605 ngàn USD, tăng 0,75% so với tháng trước và tăng 6,20% so với cùng kỳ năm 2021.

Ước tính 02 tháng đầu năm 2022 kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh đạt 253.963 ngàn USD, tăng 48,23% so với cùng kỳ năm 2021.

Nếu không tính xăng dầu tạm nhập, tái xuất thì kim ngạch xuất khẩu trong 02 tháng đầu năm 2022 của Tỉnh ước đạt 214.410 ngàn USD, tăng 31,59% so cùng kỳ năm 2021.

6.2. Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu tháng 02-2022 ước đạt 38.261 ngàn USD, tăng 0,29% so với tháng trước và tăng 31,54% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân làm kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu ở các mặt hàng xăng dầu, nguyên phụ liệu sản xuất tân dược.

Ước tính giá trị xăng dầu nhập khẩu trong tháng 02-2022 tăng 48,89% nhưng khối lượng nhập giảm 13,51% so với tháng cùng kỳ năm trước. Nếu so với tháng trước, giá trị nhập mặt hàng xăng dầu tăng 0,18% và khối lượng nhập tăng 0,13%. Nguyên nhân tăng làm giá trị xăng dầu tăng nhưng khối lượng nhập giảm so với cùng kỳ năm trước là do giá xăng dầu thế giới tăng khi lượng cung không đủ cầu. Tình hình nhập khẩu các mặt khác như sau: giá trị nhập khẩu Nguyên phụ liệu sản xuất tân dược tăng 1,06% so với tháng trước và tăng 22,83% so với cùng kỳ năm trước; nguyên phụ liệu may mặc tăng 0,83% so với tháng trước và tăng 5,59% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2022 kim ngạch nhập khẩu của Tỉnh ước đạt 76.411 ngàn USD, tăng 27,91% so cùng kỳ năm 2021. Trong đó, kinh tế nhà nước có giá trị nhập tăng 92,92%, kinh tế tư nhân giảm 5,86%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giảm 15,44%.

Cán cân thương mại thực hiện trong 02 tháng đầu năm 2022 của tỉnh ước tính xuất siêu 177.552 ngàn USD.

7. Giá cả thị trường, chỉ số giá

Những ngày đầu tháng 02 là thời điểm trùng với Tết Nguyên đán Nhâm Dân 2022, các mặt hàng thực phẩm, nông sản, hoa quả được tiêu thụ khá mạnh

sau Tết, giá bán các loại thực phẩm, rau củ quả đồ uống, đồ thờ cúng .. tăng nhẹ do nhu cầu tiêu dùng và đi lễ của người dân. Tuy nhiên tình hình thị trường đã dần ổn định, giá các mặt hàng thiết yếu trở lại bình thường, thậm chí một số mặt hàng rau củ quả giảm giá khá mạnh.

7.1. Giá cả thị trường:

Trong thời gian tết trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp lượng hàng hóa thiết yếu phục vụ cho nhu cầu mua sắm của người dân khá dồi dào, hàng hóa lưu thông, thông suốt từ thành thị đến nông thôn do các doanh nghiệp, nhà phân phối, đại lý, cơ sở kinh doanh trên địa bàn Tỉnh cơ bản có đủ nguồn hàng phục vụ cho nhu cầu tết, không xảy ra tình trạng sốt hàng, tăng giá đột biến làm bất ổn thị trường. Sau Tết Nguyên đán các mặt hàng thực phẩm, nông sản, hoa quả được tiêu thụ khá mạnh, giá bán một số loại rau, củ, quả tươi sống, đồ thờ cúng ... tăng nhẹ do nguồn cung giảm. Việc giá xăng, dầu được điều chỉnh tăng liên tục trong các tháng đầu năm 2022 đã ảnh hưởng đến giá cả hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn Tỉnh. Nếu giá xăng, dầu tiếp tục tăng trong thời gian tới thì sẽ tạo áp lực tăng giá lên hàng hoá trong khâu lưu thông, tạo áp lực lên lạm phát, làm giảm sức cạnh tranh của hàng hoá sản xuất trong nước, tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế của Tỉnh.

Giá lúa Đông xuân đầu vụ tăng nhẹ: giá lúa loại I (lúa mua tại ruộng) từ 5.800 – 6.200 đồng/kg (cao 200 đồng/kg so với tháng trước), lúa loại II từ 5.400 – 5.500 đồng/kg.

Giá heo hơi trên địa bàn hiện dao động ở mức trên 52.600 đồng/kg, tăng 4.700 đồng/kg so tháng trước nhưng thấp hơn 29.000 đồng/kg so với tháng cùng kỳ năm trước. Giá gà ta bán cho thương lái khoảng 100.000-130.000 đồng/kg, vịt trắng từ 44.000-46.000 đồng/kg, tương đương cùng kỳ năm trước.

Giá phân bón theo chủng loại và nguồn gốc sản phẩm. Giá Urea Phú Mỹ dao động 18.800 đồng/kg, DAP Hồng Hà giá từ 26.000 đồng/kg, Kali Canada giá từ 16.600 đồng/kg.

Giá cá tra thương phẩm có trọng lượng bình quân 0,7-0,9kg/con dao động từ 25.500-26.000 đồng/kg tùy theo chất lượng cá và phương thức thanh toán (cao hơn khoảng 6.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm trước).

Giá tôm trứng thu mua tại ao có giá từ 135.000 đồng/kg, tôm thương phẩm loại 1 hiện dao động khoảng 170.000-200.000 đồng/kg.

7.2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02 năm 2022 tăng 0,29% so với tháng trước; tăng 1,82% so cùng kỳ năm trước; so với tháng 12 năm trước tăng 0,54% và tăng 2,46% so với bình quân cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân chỉ số giá tăng

là do trong tháng 02-2022 là tháng có kỳ nghỉ tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 nên hầu hết các nhóm hàng đều tăng giá so với các kỳ trước, bên cạnh đó là do Nhà nước liên tục điều chỉnh tăng giá xăng dầu trong các tháng đầu năm 2022 nên cũng ảnh hưởng đến chỉ số giá tiêu dùng chung. Trong tháng, có 8 nhóm tăng so với tháng trước, cao nhất là nhóm hàng Giao thông tăng 1,96%; Các nhóm hàng còn lại chỉ số ổn định không tăng, không giảm.

Nếu so với tháng cùng kỳ năm trước (tháng 02/2021) chỉ số CPI tăng 1,82%, trong đó nhóm hàng Giao thông tăng cao nhất (tăng 14,89%), nguyên nhân chính là do sự tăng giá của mặt hàng xăng dầu đã tác động trực tiếp lên nhóm hàng giao thông. Giảm nhiều nhất so với cùng kỳ năm trước là Nhóm hàng Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,16%, kể đến là nhóm hàng Bưu chính viễn thông giảm 0,28%.

Giá vàng trong tháng 02-2022 so với tháng trước tăng 2,26% nhưng giảm 1,79% so với cùng kỳ năm trước.

Giá USD trên thị trường trong tháng 02-2022 giảm 0,38% so với tháng trước và giảm 0,16% so với cùng kỳ cùng kỳ năm trước.

8. Một số tình hình xã hội

Ngành giáo dục và đào tạo:

Ngành giáo dục đào tạo đã tổ chức sơ kết học kỳ I và triển khai kế hoạch học kỳ II năm học 2021-2022. Được sự chấp thuận của UBND Tỉnh, về chủ trương tổ chức dạy học trực tiếp sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần các lớp 6, 7, 8, 10, 11 và khối tiểu học, mầm non. Học sinh từ lớp 5 đến lớp 12 học từ 07/02/2022, học sinh các lớp 1, 2, 3, 4 và trẻ mầm non học từ 14/02/2022.

Công tác phòng, chống dịch COVID-19, các cơ sở giáo dục chủ động phối hợp với ngành Y tế triển khai các phương án phòng, chống dịch và xử lý các tình huống có thể xảy ra theo các văn bản chỉ đạo đã ban hành (Công văn số 5969/BGDĐT-GDMN ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ GDĐT về việc về việc bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19 khi tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non; Công văn số 67/SGDĐT-CTTT ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn phòng, chống dịch COVID-19 tổ chức dạy học trực tiếp). Phải bảo đảm an toàn cho trẻ mầm non, học sinh, học viên, giáo viên, gồm: trước khi nhập học, khi vào lớp học, về nhà; trong mỗi công đoạn, dự báo các tình huống phát sinh, đồng thời có phương án xử lý đối với từng tình huống cụ thể.

Ngành Y tế:

Công tác phòng chống dịch Covid-19: Tính đến ngày 21/02/2022, tại Đồng Tháp thực hiện tiếp nhận 91.335 trường hợp cần phải cách ly y tế tập

trung, trong đó cách ly đủ 14 ngày là 91.164 trường hợp, hiện còn cách ly y tế tập trung 171 trường hợp. Tình hình dịch bệnh trên địa bàn Tỉnh hiện được kiểm soát tốt.

Bên cạnh đó, ngành Y tế còn tích cực tập trung cho công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường, diệt côn trùng, tuyên truyền về công tác phòng và chống sốt xuất huyết, tay chân miệng, đề phòng xảy ra dịch sốt xuất huyết và tay chân miệng trên địa bàn tỉnh. Số cas mắc một số bệnh truyền nhiễm tính đến đầu tháng 02/2022 như sau:

- Bệnh cúm: 835 cas; Bệnh tiêu chảy: 235 cas; Hội chứng tay, chân, miệng: 10 cas; Sốt xuất huyết: 56 cas; Bệnh lao phổi: 04 cas; Bệnh viêm gan do virus: 01 cas; Bệnh uốn ván: 02 cas, Bệnh viêm não: 01 cas.

Ngành lao động - thương binh xã hội

Tham mưu cho UBND Tỉnh lập kế hoạch trích kinh phí hỗ trợ tiền Tết cho các hộ nghèo của năm 2022, đối tượng bảo trợ xã hội, người có công, trẻ em nghèo. Công tác chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ và người có công, phong trào đền ơn đáp nghĩa tiếp tục được quan tâm nhất là trong những ngày trước tết Nguyên đán.

Công tác lao động việc làm: Từ đầu năm đến nay đã tổ chức được 02 phiên giao dịch việc làm, có 33 doanh nghiệp tham dự với 644 lao động. Đã ban hành quyết định cho 2.564 người hưởng trợ cấp thất nghiệp, với tổng số tiền 37.240,4 triệu đồng. Triển khai văn bản của Bộ Lao động – TB&XH hướng dẫn hỗ trợ tiền ăn đối với người điều trị COVID-19 (F0), người cách ly y tế (F1).

Phong trào đền ơn đáp nghĩa: Trong tháng, điều chỉnh tăng, giảm và trợ cấp mai táng phí Người có công với cách mạng cho 110 trường hợp (tăng 09 trường hợp, giảm 101 trường hợp) ra quyết định đính chính tình hình thân nhân liệt sĩ 01 trường hợp, phối hợp với Công ty TNHH MTV xở số kiến thiết Đồng Tháp, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức bàn giao 410/420 căn nhà tình nghĩa (đạt 97,62%) cho các hộ gia đình chính sách đã hoàn thành xây dựng và sửa chữa đưa vào sử dụng trước dịp Tết nguyên đán 2022.

Công tác đào tạo nghề: Triển khai thực hiện Thông tư số 33/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; triển khai tư liệu tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp; công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2022; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

Ngành văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch:

Trong tháng, toàn Ngành tập trung công tác tuyên truyền, cổ động trực quan, trưng bày, triển lãm tạo không gian Xuân đặc sắc, hấp dẫn trên các tuyến đường chính, tạo điểm nhấn nổi bật phục vụ nhân dân đón chào năm mới Nhâm Dần năm 2022 và tuyên truyền kỷ niệm 92 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và các ngày lễ, kỷ niệm gắn với các nhiệm vụ trọng tâm của Tỉnh. Tuy không tổ chức bắn pháo hoa chào mừng năm mới nhưng Tỉnh vẫn trang trí đường hoa Xuân và trang trí nhiều cụm tiểu cảnh trong khuôn viên UBND Tỉnh để phục vụ người dân du Xuân, chụp ảnh, tạo không gian văn hóa lan tỏa.

Các hoạt động trưng bày, triển lãm tranh ảnh, tiểu cảnh nghệ thuật cũng được đầu tư thực hiện công phu, đa dạng cũng góp phần tạo không khí đón Xuân của người dân thêm rộn ràng, ấm cúng.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, năm nay tỉnh Đồng Tháp không tổ chức bắn pháo hoa trong đêm giao thừa. Sở VH TT & DL phối hợp với Đài Phát thanh-Truyền hình Đồng Tháp tổ chức thu âm, quay hình Chương trình nghệ thuật giao thừa mừng Đảng – mừng Xuân Nhâm Dần năm 2022 với chủ đề “Đất sen hồng vượt sóng vuron xa”.

Phát động chương trình du lịch nội địa thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 với chủ đề “Du lịch an toàn – Trải nghiệm trọn vẹn”, tăng cường giới thiệu, quảng bá điểm đến, sản phẩm, dịch vụ trải nghiệm đến với du khách gần xa.

Các khu điểm du lịch tích cực chuẩn bị đầu tư nhiều sản phẩm dịch vụ mới gắn với nâng cao chất lượng phục vụ, đảm bảo các tiêu chí an toàn phòng chống dịch, mang đến cho du khách những tình cảm ấm áp và những trải nghiệm trọn vẹn trong những ngày Xuân, như Khu du lịch Văn hóa Phương Nam, Khu du lịch Tràm Chim, Xẻo Quít, Gáo Giồng, Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc... Đặc biệt là thành phố Sa Đéc, với nhiều tiểu cảnh, điểm tham quan được đầu tư mới lạ tại Làng hoa Sa Đéc như: điểm du lịch Cánh đồng hoa hồng; Khu du lịch Happyland Hùng Thy; Vườn hồng Tư Tôn. Huyện Lai vung có 06 điểm vườn mở cửa phục vụ du khách. Ngoài ra, các điểm du lịch sinh thái trên địa bàn Tỉnh như Điểm du lịch Vườn Nho Ba Tuấn, Khu du lịch sinh thái Tiên Định, Vườn sinh thái Nam Hương... cũng tích cực hoạt động, trở thành địa điểm vui chơi giải trí, phục vụ chu đáo Nhân dân du Xuân, đón Tết tại địa phương.

Trật tự an toàn xã hội:

Theo số liệu thống kê của Ban an toàn giao thông Tỉnh từ ngày 15/12/2021 đến ngày 16/02/2022 toàn tỉnh đã xảy ra 21 vụ tai nạn giao thông, làm 22 người chết và bị thương 04 người, so với cùng kỳ năm trước, tăng 05 vụ, số người chết tăng 06 người. Công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy, nổ và các tệ nạn xã hội khác tiếp tục được tăng cường. Tình hình an ninh chính trị tại các địa

phương trên địa bàn tỉnh được đảm bảo. Công an tỉnh phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các địa phương tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp về phòng, chống tội phạm; Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm soát thị trường, phát hiện kịp thời các hiện tượng kinh doanh hàng cấm, hàng giả, hàng chất lượng kém, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tình hình xã hội môi trường: Theo báo cáo của phòng Cảnh sát PCCC & CNCH tính từ thời điểm 15/01/2022 đến 15/02/2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ cháy. Vào lúc 19 giờ 30 phút, ngày 17/01/2022, xảy ra vụ cháy tại Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười. Vụ cháy không gây thiệt hại về người, thiệt hại tài sản đang thống kê. Nguyên nhân cháy theo nhận định ban đầu là do chập điện.

Vào lúc 05 giờ 20 phút, ngày 10/02/2022, xảy ra vụ cháy tại Cửa hàng bán quần áo Lan Ngọc, phường An Hòa, TP. Sa Đéc. Vụ cháy không gây thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản khoảng 50 triệu đồng. Nguyên nhân: theo nhận định ban đầu là do chập điện.

Cũng trong tháng, đã xử lý vi phạm môi trường là 04 vụ, với tổng số tiền xử lý là 178 triệu đồng.

B. MỘT SỐ TÌNH HÌNH TẾT NGUYÊN ĐÁN TÂN SỬU 2021

Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2021 diễn ra trong không khí cả nước đang kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 54 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 được tổ chức phong phú về mặt hình thức, nội dung để đảm bảo sự vui tươi, phấn khởi, trang trọng, tiết kiệm và mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19.

Trước tình hình dịch Covid-19 vẫn còn phức tạp, thực hiện Công văn 577-CV/TU ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện như sau;

- Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 07/01/2022 của UBND Tỉnh về Về việc tăng cường các biện pháp bảo đảm đón Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm;

- Kế hoạch 07/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc Tổ chức các hoạt động mừng Đảng - mừng Xuân Nhâm Dần năm 2022;

- Công văn số 10/UBND-TCD-NC ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Nguyên đán

Nhâm Dần và Lễ hội Xuân năm 2022;

- Công văn số 64/UBND-KT ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc tăng cường công tác quản lý chất thải, vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh trong dịp Xuân Nhâm Dần năm 2022;

- Công văn số 44/UBND-THYX ngày 21/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 48/UBND-TI-IVX ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc tăng cường công tác phòng chống dịch Covid-19 thời điểm Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022.

1. Công tác chăm lo, chuẩn bị Tết cho người dân

Trong dịp Tết, các cấp, các ngành đoàn thể và doanh nghiệp đã tổ chức thăm hỏi, đồng viên chúc tết các bậc lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng, các chức sắc tôn giáo, các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, lực lượng tham gia phòng chống Covid-19 ... bảo đảm Tết đến với mọi người và mọi nhà.

Trong dịp Tết, Tỉnh đã tặng quà tết cho 59.982 đối tượng và gia đình người có công với cách mạng với tổng kinh phí 15,34 tỷ đồng (trong đó, quà Chủ tịch nước là 6,08 tỷ đồng); 13.970 hộ nghèo với tổng kinh phí 2,7 tỷ đồng (trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%); 68.004 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí 13,6 tỷ đồng; 1.624 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em mồ côi với tổng kinh phí 1,75 tỷ đồng.

Các công ty, doanh nghiệp dù bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng vẫn duy trì việc trả lương và thưởng tết cho người lao động. Tiền thưởng tết bình quân năm 2021 đạt 6,8 triệu đồng/người; trong đó, Doanh nghiệp nhà nước mức thưởng bình quân là 7,2 triệu đồng/người, doanh nghiệp dân doanh bình quân là 5,8 triệu đồng/người, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 9 triệu đồng/người. Ngoài tiền thưởng, một số doanh nghiệp còn tặng quà cho người lao động trị giá từ 100 ngàn đồng - 5000 ngàn đồng hoặc các nhu yếu phẩm và hỗ trợ tiền tàu, xe cho người lao động về quê dịp Tết.

2. Lễ hội đón giao thừa và các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân

Trước tình hình dịch Covid-19 vẫn còn phức tạp, Đồng Tháp không tổ chức bắn pháo hoa đêm giao thừa. Tuy vậy việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân vẫn được thực hiện. Điển hình là việc tổ chức trang trí đường hoa Xuân trên đường Lý Thường Kiệt, phường 1, TP Cao Lãnh và trang trí nhiều cụm tiểu cảnh trong khuôn viên Ủy ban nhân dân Tỉnh gắn với tạo không

gian ánh sáng để phục vụ người dân du xuân, chụp ảnh. Tính đến hết ngày 03/02/2022 đã có hơn 101 ngàn lượt khách tham quan đường hoa Xuân và hơn 6.500 du khách tham quan khuôn viên Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Tại thành phố Sa Đéc tổ chức Lễ hội Hoa Xuân và Đường hoa xuân Sa Đéc tại Quảng trường Tượng đài Bác Hồ và đường Trần Phú được trang trí hơn 15.000 chậu hoa với 30 chủng loại. Bên cạnh đó, toàn Tỉnh đã tổ chức 17 hội thi, liên hoan, chương trình biểu diễn nghệ thuật, giao lưu văn nghệ,...

Công tác thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh, phản ánh kịp thời không khí vui xuân đón tết của người dân. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã xây dựng nhiều chương trình truyền hình để phục vụ người dân như: Chương trình “Xông đất đầu năm” của Lãnh đạo Tỉnh; “Chuyến xe ngày Tết”, “Tết miệt vườn”, Chương trình Văn nghệ mừng Đán - mừng Xuân Nhâm Dần phát đêm giao thừa ...

Nhìn chung các hoạt động vui xuân đón Tết được triển khai chu đáo, đáp ứng nhu cầu vui chơi, thưởng thức của người dân trong dịp Tết.

3. Hoạt động vận tải và đảm bảo an toàn giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp điện nước trong dịp tết Nguyên đán

UBND Tỉnh đã có Công văn số 10/UBND-TCD-NC ngày 13/01/2022 về việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và Lễ hội Xuân năm 2022. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, trước Tết Sở Giao thông Vận tải phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo thực hiện việc duy tu, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường giao thông, cầu trọng yếu trên địa bàn Tỉnh đảm bảo việc lưu thông an toàn, thuận lợi cho người dân trong dịp Tết. Trong những ngày cận tết Nguyên đán, trong các ngày Tết các lực lượng chức năng đã tăng cường tuần tra trên các tuyến đường, kịp thời xử lý các điểm ùn tắc, các trường hợp vi phạm an toàn giao thông. Về an toàn giao thông: các ngành chức năng tăng cường tuần tra, kiểm tra các phương tiện giao thông để hạn chế tai nạn giao thông trong các ngày Tết. Tuy nhiên tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 03 vụ, làm 03 người chết, 02 thường bị thương.

Các hoạt động cấp nước, dịch vụ thông tin liên lạc, bưu điện, điện lực đều diễn ra ổn định, liên tục, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hệ thống ATM hoạt động ổn định, an toàn, không xảy ra sự cố.

4. Hoạt động y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm

Công tác khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh Covid-19:

Kiểm tra chặt chẽ khách nhập cảnh từ các vùng dịch, cách ly kịp thời trường hợp nghi ngờ mắc bệnh.

- Tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình phòng, chống dịch COVID-19 trên

địa bàn Tỉnh, tập trung nỗ lực cao nhất cho công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tuyên truyền thông điệp 5K và đề cao ý thức phòng, chống dịch của cho người dân.

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác khám, chữa bệnh trong dịp Tết Nguyên đán tổ chức thường trực 04 cấp (trực lãnh đạo, trực chuyên môn, trực hành chính - hậu cần, trực bảo vệ), chuẩn bị đầy đủ thuốc, vật tư, thực hiện khám, chữa bệnh phục vụ Nhân dân 24/24 trong những ngày nghỉ Tết. Tính đến hết ngày 03/02/2022 các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã khám, cấp cứu cho 2.889 lượt bệnh nhân.

Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm:

Các ngành chức năng đã phối hợp chặt chẽ, triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 đã triển khai đồng bộ, trước, trong tết trên toàn tỉnh góp phần nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm đảm bảo cho nhân dân vui xuân, đón tết.

Các đơn vị thực hiện công tác kiểm tra kết hợp với phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm giúp các cơ sở thực phẩm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành tốt các quy định về an toàn thực phẩm.

Từ đầu năm 2022 đến Tết đã tiến hành kiểm tra 248 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống. Qua kiểm tra đã phát hiện và xử lý đối với 24 cơ sở vi phạm các qui định về an toàn vệ sinh thực phẩm. Trên địa bàn tỉnh ghi nhận 05 vụ ngộ độc thực phẩm đã được điều trị, không có trường hợp nào tử vong.

5. Tình hình thị trường, giá cả hàng hoá ngày Tết:

Thị trường trong những ngày Tết cổ truyền nhìn chung ổn định, không có hiện tượng thu gom hàng hoá bất thường gây khan hiếm hàng đột biến. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được tăng cường thực hiện trước, trong những ngày Tết, các lực lượng chức năng đã kiểm tra, phát hiện 201 đối tượng buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; đã xử phạt số tiền 795 triệu đồng, tịch thu tang vật giá trị gần 1,7 tỷ đồng để xử lý theo qui định; khởi tố 01 vụ về vận chuyển hàng cấm (thuốc lá ngoại nhập lậu).

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên sức mua Tết Nhâm Dần chỉ tăng khoảng 10-15% so với ngày thường, thấp hơn tết Nguyên đán 2021. Giá cả bình quân một số mặt hàng thiết yếu tăng giá từ 5-10% vào các ngày cận Tết nhưng ổn định sau Tết.

Khác với một số năm trước đây, năm nay các mặt hàng hoa, trái cây phục vụ cho nhu cầu Tết tiêu thụ khá thuận lợi, giá tăng nhẹ do nguồn cung ít hơn nhu

cầu. Các mặt hàng thực phẩm giá biến động nhẹ do nhu cầu không cao, trong khi nguồn cung dồi dào.

6. Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội

Công tác an ninh chính trị - trật tự an toàn được đảm bảo, tình hình an ninh trật tự khu vực biên giới ổn định, công tác xuất nhập cảnh được quản lý chặt chẽ. Các lực lượng duy trì phối hợp công tác tuần tra, kiểm soát các khu vực trọng yếu, đường mòn lối mở đảm bảo ANTT khu vực giáp biên; quản lý chặt chẽ các hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, không để xảy ra xâm nhập, phá hoại, phòng ngừa dịch bệnh.

Công tác phòng chống tội phạm: về trật tự xã hội được kiểm chế, không có diễn biến bất thường, không có các vụ việc phức tạp, nghiêm trọng. Tội phạm về trật tự xảy ra 05 vụ, làm chết 01 người, bị thương 09 người, tài sản bị xâm hại trị giá khoảng 10 triệu đồng, đã điều tra khám phá cả 05 vụ, bắt 10 đối tượng; triệt xóa 09 vụ tệ nạn xã hội, bắt xử lý 49 đối tượng.

Người dân chấp hành đúng quy định về quản lý, sử dụng pháo, tuy vậy vẫn xảy ra các vụ đốt pháo trái phép (05 vụ); phát hiện, bắt giữ 08 đối tượng vận chuyển và mua bán pháo nổ, thu giữ 01 hộp pháo xoay, 01 giàn pháo phun viên, 86 pháo banh, 36 viên pháo hoa.

Nhìn chung các hoạt động kinh tế – văn hoá – xã hội trước, trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đã được triển khai thực hiện và diễn ra phong phú về mặt hình thức, nội dung, vui tươi, phấn khởi, trang trọng, tiết kiệm, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc, đảm bảo Tết đến với mọi người, mọi nhà nhưng trên tinh thần phòng chống dịch bệnh Covid-19 một cách cao nhất./.

Nơi nhận:

- * Vụ Tổng hợp - TCTK;
- * Thường trực Tỉnh ủy (2);
- * Thường trực HĐND Tỉnh (2);
- * Thường trực UBND Tỉnh (4);
- * VP. Tỉnh ủy;
- * VP. HĐND tỉnh;
- * VP. UBND tỉnh;
- * Ban Tuyên Giáo;
- * Lãnh đạo Cục (2);
- * Sở KH & ĐT;
- * Chủ tịch UBND các huyện, TX, TP (12)
- * Các phòng Nghiệp vụ Cục, Thanh tra (3);
- * Các Chi cục Thống kê huyện, thị, TP (12);
- * Lưu: TH + Văn thư (2).

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Phạm Văn Hoàng

PHỤ LỤC I: Số liệu

1. Thu - Chi ngân sách:

	Dự toán năm 2022 (triệu đồng)	Ước thực hiện đến 31/01/2022 (triệu đồng)	Ước 2022 so với	
			Dự toán giáo (%)	Năm 2021 (%)
I. THU NGÂN SÁCH				
A. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	6.818.777	762.033	11,18	83,55
1. Thu nội địa	6.708.777	733.813	10,94	81,19
TĐ: - Thu từ doanh nghiệp nhà nước	485.000	89.899	18,54	119,89
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	945.000	155.640	16,47	76,26
- Thu phí xăng dầu, thuế bảo vệ môi trường	1.527.000	105.553	6,91	61,55
- Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	74.000	7.176	9,70	76,96
- Thu tiền sử dụng đất	800.000	75.799	9,47	119,26
- Thu phí, lệ phí	380.000	58.603	15,42	92,94
- Thu xổ số kiến thiết	1.500.000	114.250	7,62	59,29
2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	110.000	28.220	25,65	344,78
II. TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.006.153	1.216.985	8,69	160,46
1. Chi cân đối ngân sách	12.792.680	1.165.775	9,11	159,63
TĐ: Chi đầu tư phát triển	3.374.957	25.845	0,77	59,28
Chi thường xuyên	9.140.657	987.156	10,80	145,26
TĐ: + Chi sự nghiệp kinh tế	1.709.255	63.188	3,70	129,06
+ Chi sự nghiệp môi trường	133.115	6.648	4,99	443,79
+ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	31.000	549	1,77	347,47
+ Chi sự nghiệp GDDT và dạy nghề	4.090.257	411.884	10,07	164,46
+ Chi sự nghiệp y tế	770.000	60.719	7,89	160,28
+ Chi quản lý hành chính - Đảng - Đoàn thể	1.356.350	238.759	17,60	128,12
Chi bổ sung quỹ DTTC	2.000	-	-	-
2. Chi từ nguồn NSTW BS có mục tiêu	1.213.473	24.102	1,99	38.874,19
3. Chi tạm ứng	-	27.108	-	96,60

2. Một số chỉ tiêu Tín dụng

	Thực hiện đến 31/12/2021 (tỷ đồng)	Thực hiện đến 31/01/2022 (tỷ đồng)	ƯT 31/01/2022 so với 31/12/2021
I. Nguồn vốn huy động	54.766	54.889	100,22
- Tiền gửi tiết kiệm	38.027	38.256	100,60
- Tiền gửi thanh toán	16.134	16.020	99,29
- Phát hành giấy tờ có giá	605	613	101,32
II. Tổng dư nợ tín dụng	80.296	81.532	101,54
1. Dư nợ ngắn hạn	58.251	59.279	101,76
2. Dư nợ trung dài hạn	22.045	22.253	100,94
III. Nợ xấu	464	481	103,66
- Tỷ lệ nợ xấu / tổng dư nợ (%)	0,58	0,59	-

3. Sản xuất Nông nghiệp

	Đơn vị tính	Ước tính đến 15 tháng 02 năm 2022	So với cùng kỳ năm 2021 (%)
1. Vụ Đông Xuân 2021-2022 (đến 15-02-2022)			
a- Diện tích xuống giống			
- Lúa	ha	188.319	97,71
- Các loại cây ngắn ngày khác	ha	9.766	147,06
TĐ: + Ngô	ha	916	65,66
+ Khoai lang	ha	136	16,23
+ Đậu các loại	ha	60	72,29
+ Rau các loại	ha	4.460	103,75
b- Diện tích thu hoạch			
- Lúa	ha	61.113	113,23
- Các loại cây ngắn ngày khác:	ha	2.132	63,57
TĐ: + Ngô	ha	437	48,18
+ Khoai lang	ha	-	-
+ Đậu các loại	ha	26,0	92,86
+ Rau các loại	ha	938	40,36
c- Sản lượng thu hoạch			
- Lúa	Tấn	424.041	110,44
- Các loại cây ngắn ngày khác:		42.332	81,89
+ Ngô	Tấn	6.741	92,90
+ Khoai lang	Tấn	-	-
+ Đậu các loại	Tấn	55	98,21
+ Rau các loại	Tấn	35.272	83,85
2. Vụ Hè thu 2022 (đến 15-02-2022)			
a- Diện tích xuống giống			
- Lúa	ha	34.462	267,04
- Các loại cây ngắn ngày khác	ha	111	
TĐ: + Ngô	ha	1	0,63
+ Khoai lang	ha	-	-
+ Đậu các loại	ha	-	-
+ Rau các loại	ha	106	28,88

4. Lâm nghiệp

Chi tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đầu năm đến cuối tháng U'T	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
				tháng 02	Cộng dồn
+ Diện tích rừng trồng mới tập trung	ha	-	-	-	-
+ Gỗ khai thác	m3	7.894	15.727	101,58	101,19
+ Củi khai thác	ste	20.744	41.346	101,13	100,78
+ Số vụ cháy rừng	vụ	-	-	-	-
+ Diện tích rừng bị cháy	ha	-	-	-	-
+ Số vụ phá rừng	vụ	-	-	-	-
+ Diện tích rừng bị phá	ha	-	-	-	-

5. Thủy sản

	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đầu năm đến cuối tháng U'T	So với cùng kỳ năm 2021(%)	
			tháng 02	Cộng dồn
1. Diện tích nuôi thả thủy sản (ha)	153	3.280	104,08	100,86
Trong đó: Cá tra thâm canh	84	1.204	101,20	100,67
2. Sản lượng thủy sản (tấn)	41.116	81.188	105,05	103,33
a. Nuôi trồng thủy sản	40.223	79.356	105,22	103,27
Trong đó: Cá tra thâm canh	36.268	71.488	105,08	103,20
b. Khai thác thủy sản	893	1.938	102,41	111,70

6. Sản xuất Công nghiệp

6.1. Chỉ số lao động tháng 02 năm 2022 (%)

	Tháng báo cáo so với tháng trước	Tháng báo cáo so với tháng cùng kỳ năm trước	Cộng dồn đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	100,68	101,36	100,36
<i>Phân theo ngành kinh tế cấp I</i>			
Khai khoáng	100,00	97,81	97,81
Công nghiệp chế biến, chế tạo	100,71	101,44	100,40
SX và phân phối điện, khí đốt nước nóng, hơi nước	100,00	98,38	98,38
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải	100,40	102,57	101,82
<i>Chia theo loại hình kinh tế</i>			
Doanh nghiệp nhà nước	97,44	135,63	137,38
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	100,94	96,21	94,96
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	101,61	105,08	103,97

6.2. Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 02 năm 2022 (%)

	Tháng 01 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 02 năm 2022 so với tháng 01 năm 2022	Tháng 02 năm 2022 so với tháng 02 năm 2021
Công nghiệp chế biến, chế tạo	101,50	105,05	106,29
Sản xuất chế biến thực phẩm	100,03	105,51	105,20
Sản xuất đồ uống	121,11	128,67	212,64
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	245,29	100,00	255,24
Dệt	18,34	100,00	22,02
Sản xuất trang phục	359,53	103,22	242,29
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	193,85	95,45	168,47
Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre ...	172,20	103,89	175,66
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	-	-	-
In, sao chép bản ghi các loại	154,00	101,77	215,93
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	-	-	-
Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	-	-	-
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	112,70	100,32	113,45
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	661,01	54,52	360,38
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	-	-	-
Sản xuất kim loại	-	-	-
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, TB)	220,52	98,08	193,36
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	-	-	-
Sản xuất thiết bị điện	-	-	-
Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu	-	-	-
Sản xuất xe có động cơ	323,06	100,00	308,49
Sản xuất phương tiện vận tải	-	-	-
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	-	-	-
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	-	-	-

6.3. Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 02 năm 2022 (%)

	Tháng 01 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 02 năm 2022 so với Tháng 01 năm 2022	Tháng 02 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Công nghiệp chế biến, chế tạo	91,93	99,39	94,13	93,01
Sản xuất chế biến thực phẩm	93,32	99,36	94,08	93,70
Sản xuất đồ uống	73,41	283,36	110,13	97,41
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	214,13	86,33	172,51	192,60
Dệt	-	-	-	-
Sản xuất trang phục	92,23	86,00	103,05	96,94
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	106,11	85,95	141,59	120,02
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	42,52	104,85	51,42	46,65
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	-	-	-	-
In, sao chép bản ghi các loại	88,12	90,66	214,94	122,48
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	-	-	-	-
Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	-	-	-	-
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	35,35	133,00	69,09	49,01
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	112,58	103,41	127,17	119,55
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	88,39	90,72	112,27	98,34
Sản xuất kim loại	-	-	-	-
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, TB)	96,76	92,27	97,05	96,90
Sản xuất SP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	-	-	-	-
Sản xuất thiết bị điện	-	-	-	-
Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu	199,85	83,48	115,32	149,87
Sản xuất xe có động cơ	74,07	108,33	78,77	76,44
Sản xuất phương tiện vận tải	-	-	-	-
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	-	-	-	-
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	-	-	-	-

6.4. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tháng 02 năm 2022 (%)

	Tháng 01 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	tháng 02 năm 2022 so với Tháng 01 năm 2022	tháng 02 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn đến cuối tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	110,18	99,70	106,96	108,55
Khai khoáng	229,06	53,93	79,32	137,87
Khai thác than cứng và than non	-	-	-	-
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-	-	-	-
Khai thác quặng kim loại	-	-	-	-
Khai thác cát	229,06	53,93	79,32	137,87
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo	109,72	100,27	106,98	108,33
Sản xuất chế biến thực phẩm	109,52	101,80	105,82	107,62
Sản xuất đồ uống	129,52	106,83	154,24	141,21
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	210,79	102,55	180,18	194,09
Dệt	-	-	-	-
Sản xuất trang phục	99,25	93,29	100,66	99,93
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	115,46	90,06	129,43	121,68
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	41,54	106,74	71,19	52,92
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	-	-	-	-
In, sao chép bản ghi các loại	90,67	88,95	256,23	130,30
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	-	-	-	-
Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	-	-	-	-
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	75,00	76,04	129,08	91,57
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	108,26	103,51	123,70	115,60
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	89,06	90,56	112,94	99,00
Sản xuất kim loại	-	-	-	-
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, TB)	98,62	91,16	97,49	98,08
Sản xuất SP điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	-	-	-	-
Sản xuất thiết bị điện	-	-	-	-
Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu	102,43	85,99	114,79	107,79
Sản xuất xe có động cơ	72,73	108,33	77,38	75,08
SX phương tiện vận tải	17,47	109,38	34,12	23,45
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	1.179,71	101,58	100,92	184,71
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	6,89	99,52	8,91	7,77
Sản xuất và phân phối điện	102,19	95,87	96,48	99,31
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt nước nóng, hơi nước	102,19	95,87	96,48	99,31
Cung cấp nước; hoạt động q.ly và xử lý rác thải, nước thải	129,71	100,78	141,56	135,40
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	121,97	100,00	132,26	126,91
Thoát nước và xử lý nước thải	-	-	-	-
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế	486,92	109,74	546,95	516,58
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	-	-	-	-

6.5. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 02 năm 2022 (%)

	Đơn vị tính	Chính thức tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng đồn đến cuối tháng ƯT	Tháng ƯT so tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
						tháng 02	Cộng đồn
Cát khai thác	<i>Nghìn m³</i>	827,4	444,0	1.271,4	53,66	78,44	138,67
Khai thác cát đen	<i>"</i>	796,6	423,8	1.220,4	53,20	77,02	140,00
Khai thác cát vàng	<i>"</i>	30,8	20,2	51,0	65,38	128,24	112,99
Cá phiê đông lạnh	<i>Tấn</i>	26.979,0	27.964,8	54.943,8	103,65	107,01	114,66
Gạo xay xát, lau bóng	<i>Tấn</i>	105.915,2	108.471,8	214.387,0	102,41	109,77	110,78
Miến, hủ tiếu, bánh trắng và các loại tương tự	<i>Tấn</i>	2.110,6	2.139,9	4.250,5	101,39	137,37	140,02
Thức ăn thủy sản	<i>Tấn</i>	129.801,8	128.740,2	258.542,0	99,18	86,02	88,10
Thuốc lá có đầu lọc (gói 20 điếu)	<i>1000 gói</i>	4.875,5	5.000,0	9.875,5	102,55	180,18	194,09
Áo quần các loại	<i>1000 cái</i>	1.122,2	966,5	2.088,6	86,12	136,42	144,97
Các bộ phận của giày dép bằng da, tấm lót bên trong có thể tháo rời ...	<i>1000 đôi</i>	302,0	285,0	587,0	94,37	123,92	115,10
Thuốc chứa penixilin hoặc kháng sinh khác dạng viên	<i>triệu viên</i>	38,5	34,0	72,6	88,32	149,56	162,81
Dược phẩm chứa hocmôn nhưng không có kháng sinh dạng viên	<i>triệu viên</i>	68,4	37,9	106,3	55,33	94,11	48,34
Bê tông tươi	<i>m³</i>	13.361,0	12.100,0	25.461,0	90,56	112,94	99,00
Bia	<i>Nghìn lít Nghìn m³</i>	2.427,4	2.500,6	4.928,0	103,02	127,14	121,96
Nước sản xuất	<i>m³</i>	4.670,0	4.670,0	9.340,1	100,00	132,26	126,91

7. Phát triển doanh nghiệp (tính từ đầu năm đến 31/01/2022)

	Năm 2021			Năm 2022		
	Số DN (DN)	Vốn đăng ký (Tr.đồng)	Số lao động (người)	Số DN (DN)	Vốn đăng ký (Tr.đồng)	Số lao động (người)
1. Tổng số DN đăng ký mới	47	339.730	261	55	608.270	1.250
Phân theo loại hình DN						
Doanh nghiệp tư nhân	1	100	1	-	-	-
Công ty TNHH	43	319.630	231	53	549.270	1.220
Công ty cổ phần	3	20.000	29	2	59.000	30
Phân theo ngành kinh tế	47	339.730	261	55	608.270	1.250
A. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1	9.000	2	-	-	-
B. Khai khoáng	1	2.000	5	-	-	-
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	6	66.700	51	-	-	-
D. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	-	-	-	-	-	-
E. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	1	3.900	3	1	10.000	10
F. Xây dựng	6	30.500	66	15	199.900	79
G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	25	128.930	106	35	393.040	1.142
H. Vận tải kho bãi	-	-	-	1	300	3
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1	500	10	2	5.000	12
J. Thông tin và truyền thông	-	-	-	1	30	4
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	-	-	-	-	-	-
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	4	96.000	13	-	-	-
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	-
N. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1	2.000	2	-	-	-
O. Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị	-	-	-	-	-	-
P. Giáo dục và đào tạo	1	200	3	-	-	-
Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	-	-	-	-	-	-
R. Nghệ thuật vui chơi giải trí	-	-	-	-	-	-
S. Hoạt động dịch vụ khác	-	-	-	-	-	-
T. Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	-	-	-	-	-	-
U. Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	-	-	-	-	-
2. Số DN tạm ngừng hoạt động	108	-	-	131	-	-
3. Số DN quay lại hoạt động	81	-	-	103	-	-
4. Số DN giải thể	14	-	-	5	-	-

8. Vốn đầu tư (triệu đồng; %)

8.1. Vốn đầu tư phát triển do trung ương và địa phương quản lý

	Chính thức tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng U'T so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
					tháng 02	cộng dồn
A. Vốn đầu tư (Tr. Đồng)	317.720	252.578	570.298	79,50	100,70	116,46
1/ Chia theo cấp quản lý						
+ Vốn các đơn vị TW quản lý	61.420	42.358	103.778	68,96	294,77	371,33
+ Vốn các đơn vị địa phương quản lý	256.300	210.220	466.520	82,02	88,91	101,04
2/ Chia theo nguồn vốn						
a. Vốn ngân sách nhà nước	247.272	195.498	442.770	79,06	91,54	105,80
+ Ngân sách trung ương	80.672	56.278	136.950	69,76	253,30	339,35
+ Ngân sách địa phương	166.600	139.220	305.820	83,57	72,75	80,87
b. Vốn vay	41.168	32.980	74.148	80,11	198,46	235,67
TĐ: + Vốn tín dụng đầu tư của N.nước	20.300	18.200	38.500	89,66	207,93	238,40
+ Vốn vay từ nguồn khác	-	-	-	-	-	-
c. Vốn tự có của doanh nghiệp NN	9.700	7.800	17.500	80,41	153,66	176,20
d. Vốn khác	19.580	16.300	35.880	83,25	104,84	120,53

8.2. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

	Chính thức tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng U'T so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
					tháng 02	cộng dồn
TỔNG SỐ	256.300	210.220	466.520	82,02	101,47	114,91
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	186.200	150.220	336.420	80,68	129,58	150,43
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	58.700	41.472	100.172	70,65	91,87	107,12
Trong đó: Vốn thu từ quỹ sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	40.120	28.700	68.820	71,54	182,65	248,26
Vốn Nước ngoài (ODA)	26.700	24.500	51.200	91,76	228,03	325,31
Vốn Xổ số kiến thiết	60.680	55.548	116.228	91,54	125,30	134,11
Vốn khác	-	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	70.100	60.000	130.100	85,59	65,83	71,39
Vốn cân đối ngân sách huyện	57.520	49.070	106.590	85,31	65,05	70,67
Trong đó: Vốn thu từ quỹ sử dụng đất	33.500	29.570	63.070	88,27	64,96	69,30
Vốn Tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	10.500	8.900	19.400	84,76	68,57	74,75
Vốn khác	2.080	2.030	4.110	97,60	74,25	75,18
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-	-
Trong đó: Vốn thu từ quỹ sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
Vốn Huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-

9. Giao thông vận tải

9.1. Vận tải hành khách và hàng hóa

	Chính thức tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
A. HÀNH KHÁCH						
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	801	808	1.608	100,87	16,60	17,38
Đường bộ	269	270	538	100,37	23,24	24,94
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	532	538	1.070	101,13	14,52	15,08
Hàng không	-	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	23.811	23.911	47.723	100,42	20,88	21,36
Phân theo ngành vận tải						
Đường bộ	22.833	22.925	45.758	100,40	20,99	21,46
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	978	986	1.965	100,82	18,56	19,30
Hàng không	-	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA						
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	782	785	1.567	100,38	118,16	120,80
Đường bộ	296	297	593	100,34	117,42	118,53
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	486	488	974	100,41	118,61	122,22
Hàng không	-	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	70.041	70.351	140.392	100,44	100,46	103,44
Đường bộ	16.469	16.589	33.058	100,73	107,48	107,83
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	53.572	53.762	107.334	100,35	98,48	102,16
Hàng không	-	-	-	-	-	-

9.2. Doanh thu vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải (triệu đồng; %)

	Chính thức tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
TỔNG SỐ	149.678	150.329	300.167	100,43	65,01	66,24
Vận tải hành khách	33.612	33.765	67.377	100,46	25,74	26,28
Đường bộ	30.966	31.097	62.063	100,42	26,49	27,00
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	2.646	2.668	5.314	100,83	19,34	20,04
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Hàng không	-	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	102.357	102.809	205.166	100,44	122,17	124,36
Đường bộ	48.517	48.739	97.256	100,46	121,34	122,39
Đường sắt	-	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	53.840	54.070	107.910	100,43	122,93	126,19
Đường biển	-	-	-	-	-	-
Hàng không	-	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	13.709	13.755	27.624	100,34	86,44	86,88
Bốc xếp	-	-	-	-	-	-
Kho bãi	13709	13755	27624	100,34	86,44	86,88
Hoạt động khác	-	-	-	-	-	-

10. Thương mại

10.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (triệu đồng; %)

	Chính thức tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
Tổng mức bán lẻ HH & DVTD	9.564.405	9.465.886	18.959.291	98,97	104,35	103,61
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>						
+ Kinh tế nhà nước	-	-	-	-	-	-
+ Kinh tế tập thể	-	-	-	-	-	-
+ Kinh tế cá thể	-	-	-	-	-	-
+ Kinh tế tư nhân	-	-	-	-	-	-
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-	-
<i>Chia theo ngành</i>						
+ Thương nghiệp	7.760.510	7.535.653	15.225.163	97,10	107,99	106,36
+ Khách sạn nhà hàng	1.290.400	1.375.726	2.666.126	106,61	95,64	97,44
+ Du lịch, lữ hành	445	756	1.201	169,89	53,50	43,15
+ Dịch vụ	513.050	553.751	1.066.801	107,93	84,77	85,69

10.2. Doanh thu bán lẻ hàng hóa (triệu đồng; %)

	Chính thức tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
TỔNG SỐ	7.760.510	7.535.653	15.225.163	97,10	107,99	106,36
<i>Phân theo nhóm hàng</i>						
1. Lương thực, thực phẩm	3.373.551	3.275.693	6.649.245	97,10	110,59	111,40
2. Hàng may mặc	242.341	234.941	477.282	96,95	115,50	111,70
3. Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	485.985	483.309	949.294	99,45	124,96	114,82
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục	92.457	94.021	186.478	101,69	123,58	113,12
5. Gỗ và vật liệu xây dựng	975.157	951.282	1.916.438	97,55	124,91	122,98
6. Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	36.851	35.938	72.789	97,52	79,51	78,24
7. Phương tiện đi lại (Trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	292.360	289.613	581.973	99,06	112,84	101,53
8. Xăng dầu các loại	557.132	551.795	1.108.926	99,04	118,34	117,54
9. Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	70.935	70.244	140.178	99,03	124,86	121,18
10. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1.274.883	1.194.095	2.428.978	93,66	83,54	81,83
11. Hàng hóa khác	280.800	278.184	558.984	99,07	112,74	113,36
12. Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	78.059	76.540	154.599	98,05	87,46	84,93

10.3. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành (triệu đồng; %)

	Chính thức tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.290.400	1.375.726	2.666.126	106,61	95,64	97,44
Dịch vụ lưu trú	11.980	15.246	27.226	127,26	59,14	54,31
Dịch vụ ăn uống	1.278.420	1.360.480	2.638.900	106,42	96,31	98,25
Du lịch lữ hành	445	756	1.201	169,89	53,50	43,15
Dịch vụ tiêu dùng khác	513.050	553.751	1.066.801	107,93	84,77	85,69

11. Xuất khẩu

	Chính thức tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
Tổng trị giá xuất khẩu (1000 USD)	126.568	127.395	253.963	100,65	116,13	148,23
- Tổng giá trị xuất khẩu - không tính xăng, dầu tạm nhập, tái xuất	106.805	107.605	214.410	100,75	106,20	131,59
<i>a/ Chia theo thành phần kinh tế</i>						
Kinh tế nhà nước	20.586	20.630	41.216	100,21	221,30	402,42
Kinh tế tập thể	-	-	-	-	-	-
Kinh tế cá thể	-	-	-	-	-	-
Kinh tế tư nhân	92.708	93.428	186.136	100,78	119,26	135,06
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	13.274	13.337	26.611	100,48	60,50	114,36
<i>b/ Chia theo mặt hàng</i>						
Thủy sản chế biến	65.753	66.292	132.045	100,82	111,40	123,10
Gạo	16.690	16.770	33.460	100,48	81,74	136,08
Bánh phồng tôm	1.485	1.497	2.982	100,82	104,05	102,81
Sản phẩm may	11.888	11.943	23.831	100,47	78,55	125,55
Hàng hóa khác	30.752	30.889	61.640	100,44	236,97	418,22
TĐ: Xăng dầu tạm nhập, tái xuất	19.763	19.790	39.553	100,14	236,14	471,61
<i>c/ Sản lượng sản phẩm xuất khẩu</i>						
Thủy sản chế biến (tấn)	23.893	24.100	47.993	100,87	110,48	116,81
Gạo (tấn)	29.559	29.710	59.269	100,51	73,87	123,07
Bánh phồng tôm	958	965	1.923	100,69	91,99	91,85

12. Nhập khẩu

	Chính thức tháng 01 năm 2022	Ước tính tháng 02 năm 2022	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính	Tháng ước tính so với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	
					Tháng 02	Cộng dồn
Nhập khẩu (1000 USD)	38.150	38.261	76.411	100,29	131,54	127,91
<i>a/ Chia theo thành phần kinh tế</i>						
Kinh tế nhà nước	20.670	20.710	41.380	100,20	144,83	192,92
Kinh tế tập thể	-	-	-	-	-	-
Kinh tế cá thể	-	-	-	-	-	-
Kinh tế tư nhân	13.008	13.052	26.060	100,34	147,58	94,14
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4.472	4.499	8.971	100,59	75,71	84,56
<i>b/ Chia theo mặt hàng chủ yếu</i>						
Xăng dầu	20.418	20.455	40.874	100,18	148,89	198,34
Nguyên, phụ liệu SX tân dược	1.608	1.625	3.233	101,06	122,83	136,82
Nguyên phụ liệu dệt may	3.511	3.540	7.051	100,83	105,59	135,17
Hàng khác	12.613	12.640	25.253	100,22	118,46	230,77
<i>c/ Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu</i>						
Xăng dầu (tấn)	26.211	26.246	52.457	100,13	86,49	78,63

13. Chỉ số giá tháng 02 các năm 2010-2022 so tháng trước và tháng cùng kỳ năm trước (%)

	CPI tháng báo cáo so với tháng trước	CPI tháng báo cáo so với tháng cùng kỳ năm trước
- Năm 2010	101,71	106,82
- Năm 2011	101,64	113,10
- Năm 2012	101,37	115,59
- Năm 2013	101,11	106,41
- Năm 2014	100,68	103,47
- Năm 2015	100,07	99,87
- Năm 2016	100,07	100,80
- Năm 2017	100,19	104,01
- Năm 2018	100,53	103,96
- Năm 2019	100,84	102,53
- Năm 2020	99,92	106,07
- Năm 2021	101,43	101,70
- Năm 2022	100,29	101,82

14. Chỉ số giá tháng 02-2022 (%)

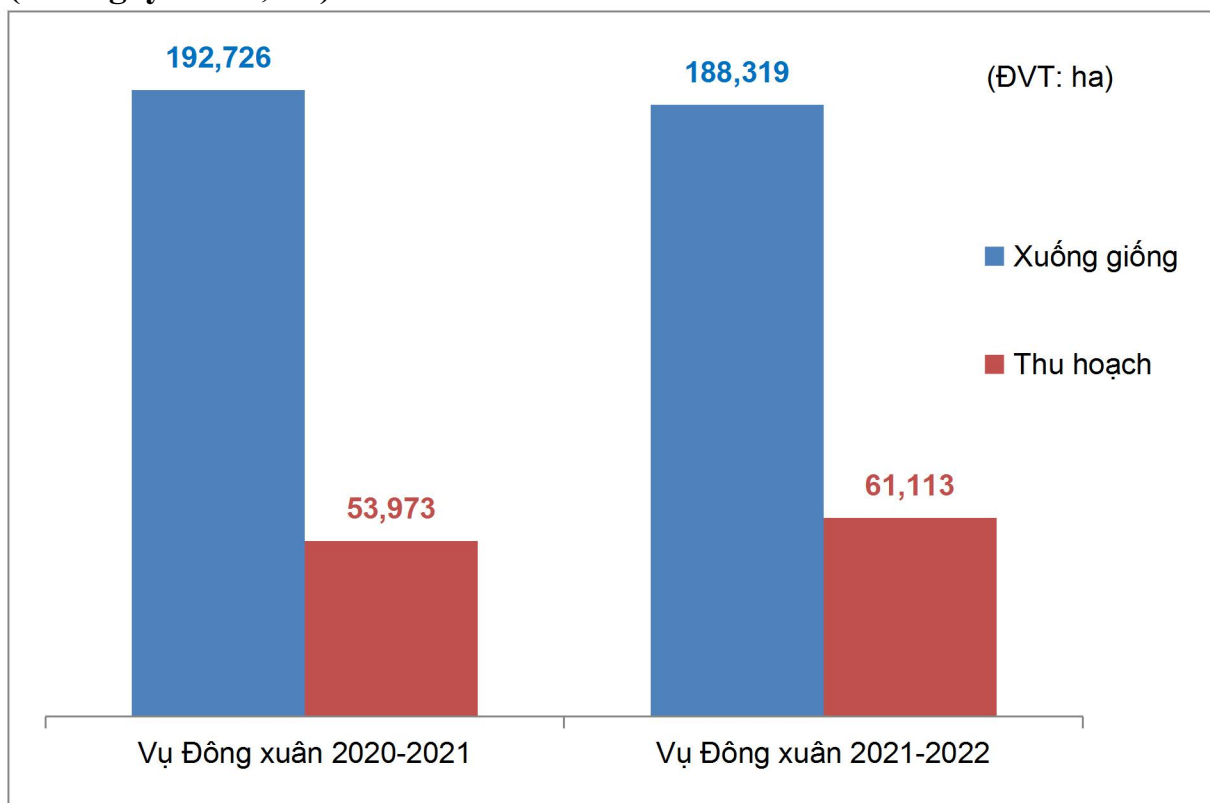
	Tháng 02 năm 2022 so với				BQ 02 tháng đầu năm 2022 so cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc (2019)	Tháng cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm 2021	Tháng trước	
a. Chỉ số giá tiêu dùng (%)	106,01	101,82	100,54	100,29	102,46
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,95	98,84	100,43	100,02	99,54
- Lương thực	115,59	105,74	99,39	99,18	107,08
- Thực phẩm	109,76	96,77	100,62	100,13	97,47
- Ăn uống ngoài gia đình	102,47	100,01	100,65	100,30	100,27
2. Đồ uống và thuốc lá	102,28	100,95	100,68	100,17	101,31
3. May mặc, mũ nón, giày dép	104,57	101,23	101,29	100,24	102,35
4. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	105,71	103,44	99,66	100,19	105,43
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,08	100,92	100,58	100,18	101,16
6. Thuốc và dịch vụ y tế	100,18	100,03	100,01	100,01	100,03
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
7. Giao thông	109,39	114,89	102,96	101,96	114,43
8. Bưu chính viễn thông	99,58	99,72	99,82	99,93	99,75
9. Giáo dục	104,32	100,16	100,01	100,00	100,15
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	104,81	100,00	100,00	100,00	100,00
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	100,19	100,17	100,16	100,14	100,15
11. Hàng hoá và dịch vụ khác	102,41	100,17	100,19	100,04	100,42
b. Chỉ số giá vàng	139,31	98,21	103,48	102,26	97,00
c Chỉ số giá đô la mỹ	98,02	99,84	99,40	99,62	99,38

15. Một số chỉ tiêu xã hội

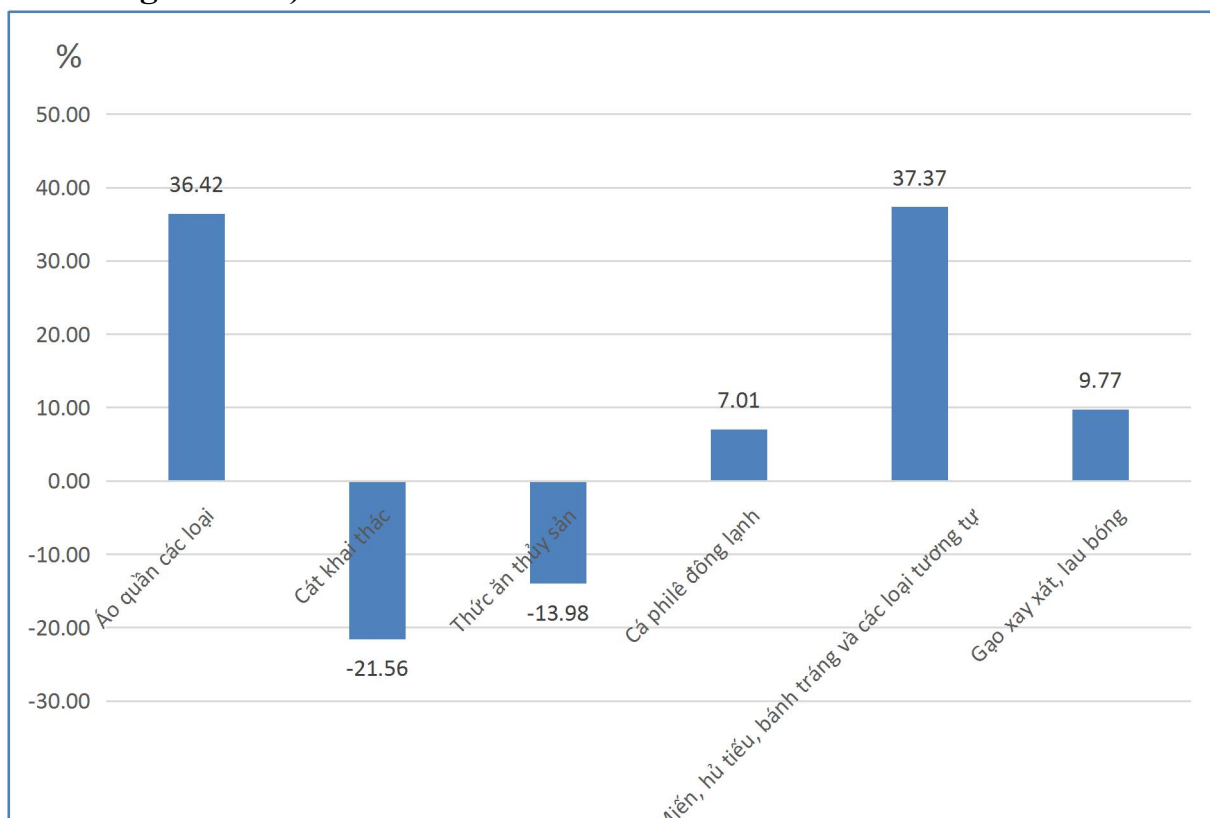
	Đơn vị tính	Phát sinh trong tháng	Cộng dồn đến cuối tháng ước tính
MỘT SỐ CHỈ TIÊU XÃ HỘI			
1. Môi trường			
1.1. Cháy, nổ			
a. Số vụ cháy	<i>vụ</i>	2	2
b. Số vụ nổ	<i>vụ</i>	-	-
c. Số người chết do cháy nổ	<i>vụ</i>	-	-
d. Số người bị thương do cháy nổ	<i>vụ</i>	-	-
d. Giá trị thiệt hại do cháy nổ	<i>triệu đồng</i>	50	50
1.2. Vi phạm môi trường			
a. Số vụ vi phạm đã phát hiện	<i>vụ</i>	0	11
b. Số vụ vi phạm đã xử lý	<i>vụ</i>	4	6
c. Số tiền xử lý	<i>triệu đồng</i>	178	188,50
2. Y tế (tính đến 31/12/2021)			
Thương hàn	<i>cas</i>	-	-
Viêm não vi rút (Viêm não do não mô cầu; Viêm não Nhật Bản; Viêm não khác)	<i>cas</i>	1	1
Viêm gan do vi rút (Viêm gan vi rút A, B, C)	<i>cas</i>	1	1
Sốt xuất huyết	<i>cas</i>	56	56
Sốt rét	<i>cas</i>	-	-
Cúm	<i>cas</i>	835	835
Cúm A(H5N1)	<i>cas</i>	-	-
Bệnh tay chân miệng	<i>cas</i>	10	10
Lao phổi	<i>cas</i>	4	4
Lỵ amip	<i>cas</i>	-	-
Lỵ trực trùng	<i>cas</i>	-	-
Quai bị	<i>cas</i>	-	-
Tiêu chảy	<i>cas</i>	235	235
Sởi	<i>cas</i>	-	-
3. Tai nạn giao thông (từ 15/12/2021 đến 20/01/2022)			
a- Số vụ tai nạn giao thông	<i>vụ</i>	x	21
- Đường bộ	<i>vụ</i>	x	21
- Đường thủy	<i>vụ</i>	x	-
So cùng kỳ năm trước	<i>%</i>	x	131,25
- Đường bộ	<i>%</i>	x	131,25
- Đường thủy	<i>%</i>	x	-
b- Số người chết	<i>người</i>	x	22
- Đường bộ	<i>người</i>	x	22
- Đường thủy	<i>người</i>	x	-
So cùng kỳ năm trước	<i>%</i>	x	137,50
- Đường bộ	<i>%</i>	x	137,50
- Đường thủy	<i>%</i>	x	-
c- Số người bị thương	<i>người</i>	x	4
- Đường bộ	<i>người</i>	x	4
- Đường thủy	<i>người</i>	x	-
So cùng kỳ năm trước	<i>%</i>	x	-
- Đường bộ	<i>%</i>	x	-
- Đường thủy	<i>%</i>	x	-

PHỤ LỤC II: Biểu đồ

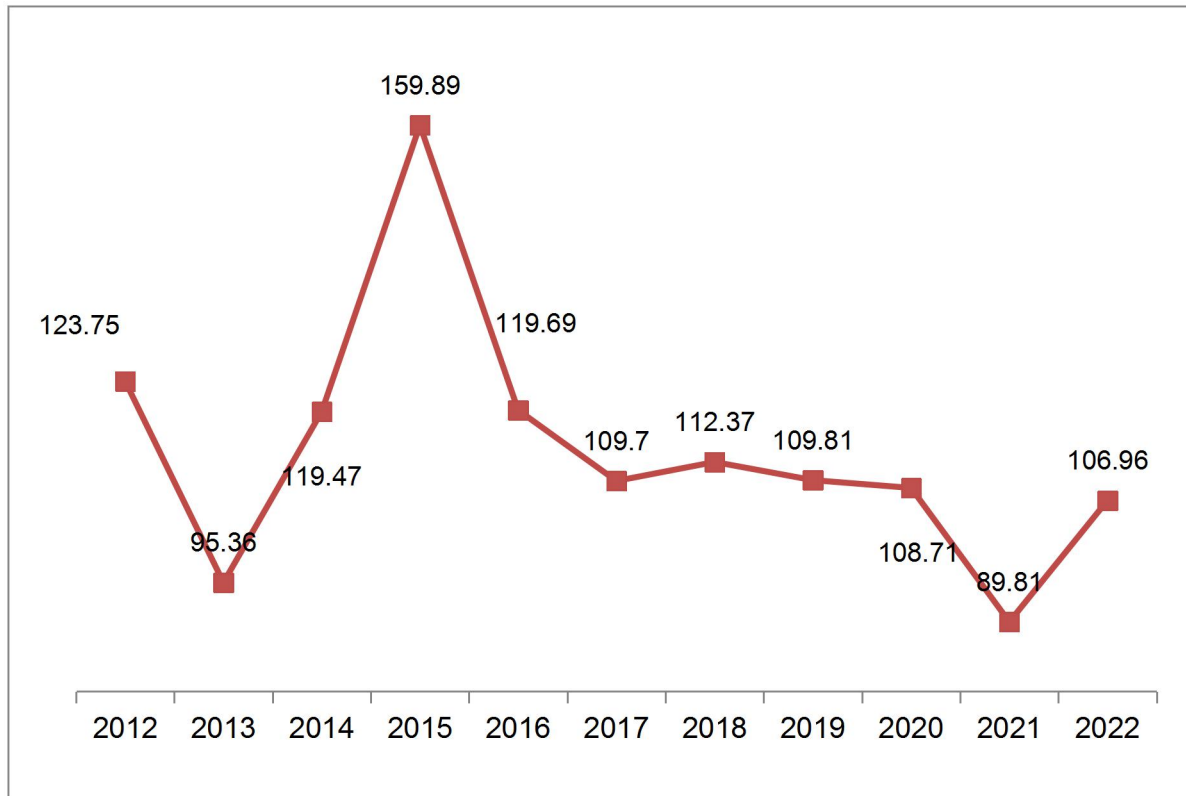
1. Diện tích xuống và thu hoạch lúa vụ Đông xuân 2020-2021 và 2021-2022 (đến ngày 15/02; ha):



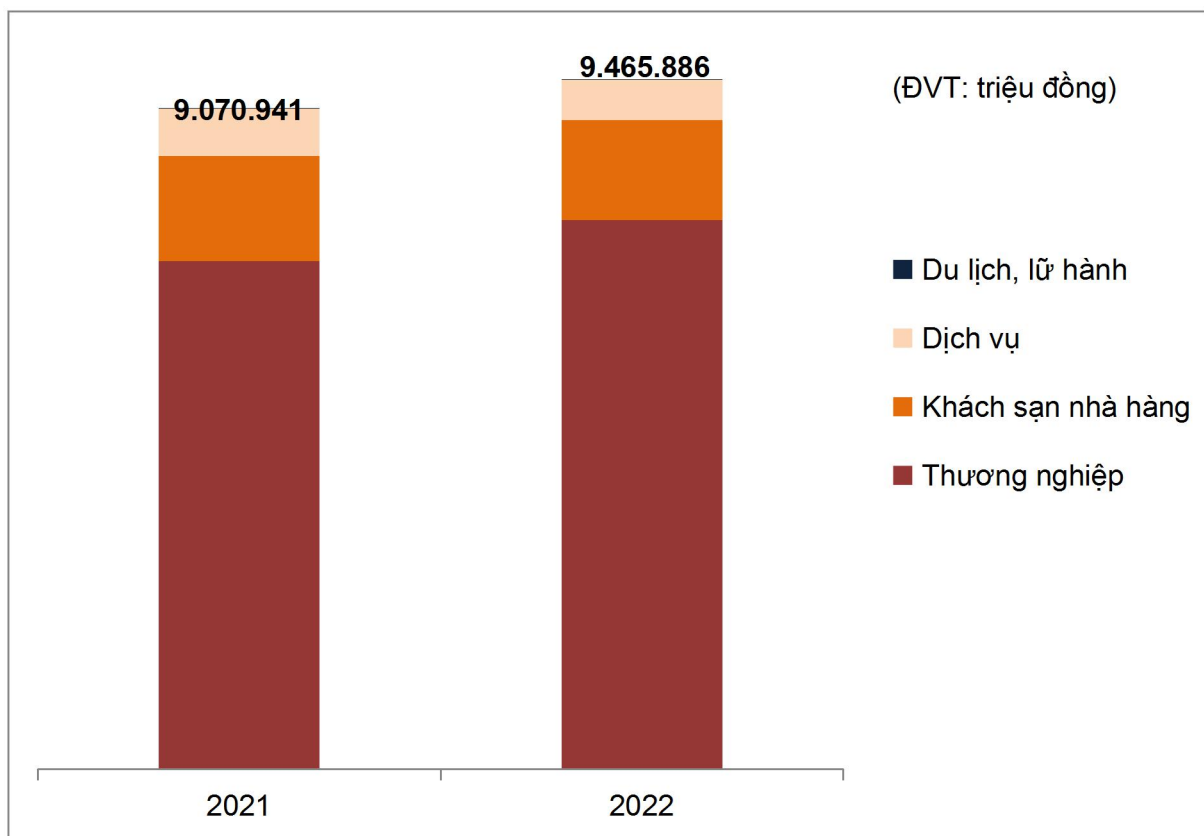
2. Tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp (tháng 02/2022 so với tháng 02/2021)



3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02 các năm 2012-2022 (%)



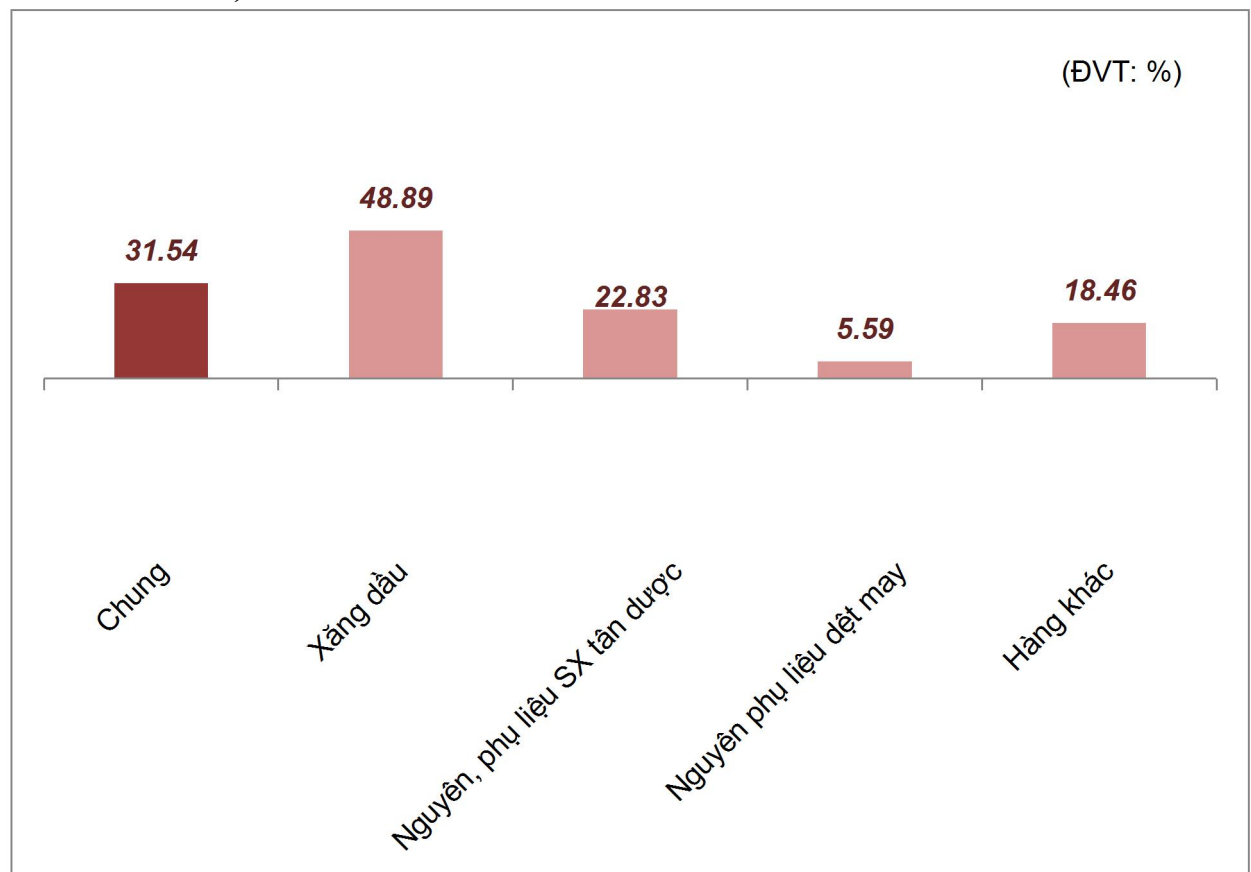
4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 02/2021-2022



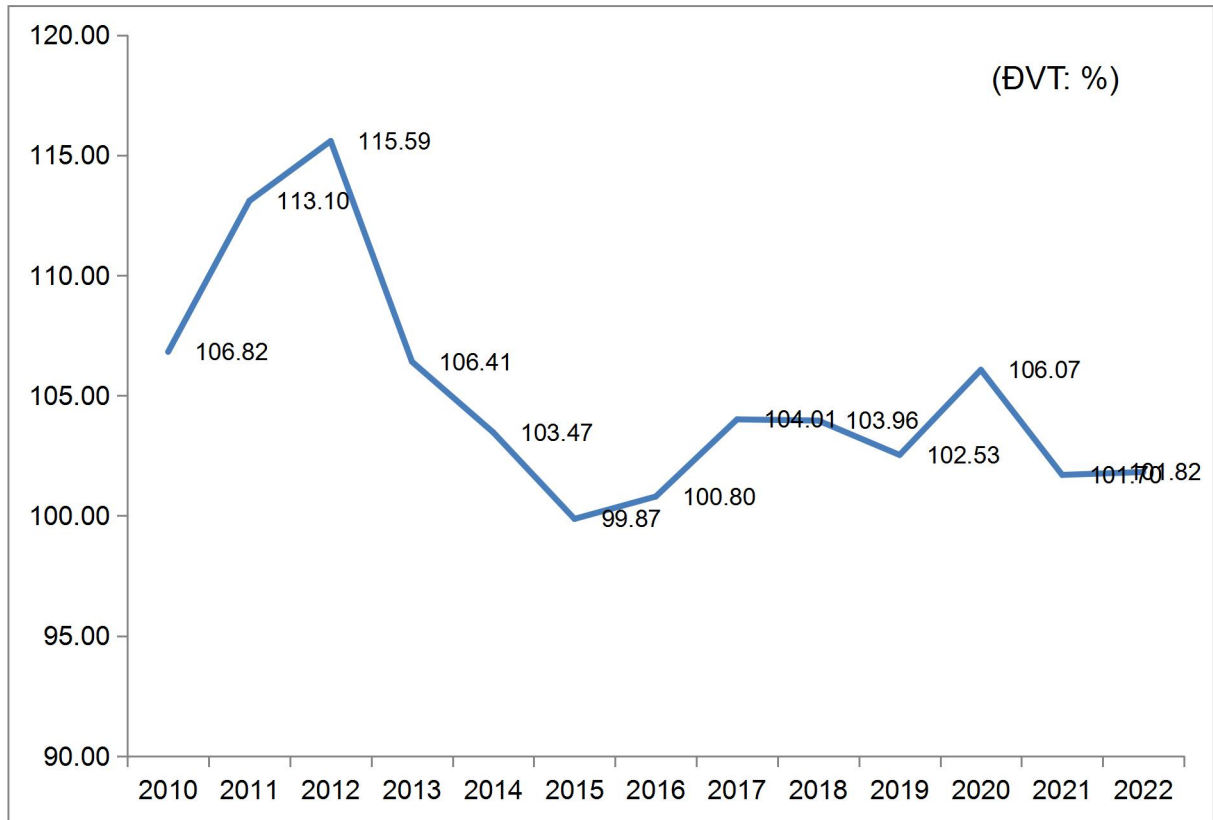
5. Tăng trưởng giá trị xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu (tháng 02/2022 so với 02/2021):



6. Tăng trưởng giá trị nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu (tháng 02/2022 so với 02/2021):



7. Chỉ số giá tháng 02 các năm 2010-2022 so với cùng kỳ năm trước (%)



8. Chỉ số giá một số nhóm hàng tiêu dùng tháng 02-2022 so với tháng cùng kỳ năm trước (%)

